

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: **13** / MC 3

Lào Cai, ngày 26 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Mã chứng khoán: MC3

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 02143.821.292

Người thực hiện công bố thông tin: Mai Văn Thành.

Địa chỉ: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 02143.821.292

Loại thông tin công bố:

24 giờ

72 giờ

Bất thường

Theo yêu cầu

Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico công bố Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 cùng các tài liệu kèm theo. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tổ chức ngày 26/04/2021.

Địa chỉ Website của Công ty đã đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin tại ngày 26/04/2021: www.khoangsan3.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ
thường niên năm 2021 và các tài liệu
kèm theo.*

Người thực hiện CBTT

Mai Văn Thành

Lào Cai, ngày 26 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 -
Vimico;

Căn cứ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông
qua ngày 26 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công
ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico ngày 26 tháng 04 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, ĐTXD năm 2020
và kế hoạch sản xuất kinh doanh, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, ĐTXD năm 2020

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/ NQ ĐHĐCĐ
I	Các chỉ tiêu hiện vật				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước ($\geq 60\%$ Fe)	tấn	60.735	60.270	99,2
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ ($52 \pm 1\%$) Fe	tấn	153.148	3.899	2,55
3	Bốc xúc, VC thuê ngoài	m ³	500.000	949.079	189,81
4	Kinh doanh dầu Diesel	lít	8.000.000	4.637.896	58
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	147.343	141.268	95,87
2	Nộp NSNN	Tr. đồng	62.098	18.888	30,41

3	LN trước thuế	Tr. đồng	2.382	(29.073)	
4	Tỷ suất lợi nhuận / VCSH	%	6,8		
5	Quỹ lương thực hiện	Tr. đồng	14.753	12.393	84
6	Lao động SD bình quân	người	180	145	80,56
7	Thu nhập bình quân người/ tháng	Tr. đồng	6.83	7,12	104,25
8	Chi trả cổ tức	%	5	0	
9	Đầu tư XDCB	Tr. đồng	8.000	0	

2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021
I	Các chỉ tiêu hiện vật		
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước ($\geq 60\%$ Fe)	tấn	77.000
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ (52 ± 1) % Fe	tấn	100.000
3	Bóc xúc, vận chuyển thuê ngoài	m ³	1.300.000
II	Các chỉ tiêu kinh tế		
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	230.696
2	Nộp NSNN	Tr.đồng	53.674
3	LN trước thuế	Tr.đồng	3.138
4	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	8,96
5	Tỷ lệ cổ tức	%	0
6	Quỹ lương	Tr. đồng	15.766
7	Lao động SD bình quân	Người	161
8	Tiền lương bình quân	Tr. đ/ng/th	8,16
9	Giá trị đầu tư XDCB	Tr. đồng	200

3. Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021

Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021, cụ thể như sau:

- + Công nhân vận hành máy xúc gạt : 07 người.
- + Công nhân lái xe Ô tô vận tải : 05 người.
- + Công nhân tuyển khoáng : 10 người.
- + Công nhân cơ khí : 05 người.
- + Phục vụ, phụ trợ : 05 người.

Tổng cộng dự kiến tuyển dụng lao động năm 2021: 32 người.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021 phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình thực tế của Công ty.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

(có báo cáo đính kèm)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

(có báo cáo đính kèm)

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

1. Bảng cân đối kế toán

TT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (01/01/2020)	Số cuối năm (31/12/2020)
I	Tổng tài sản	159.828.879.155	155.354.707.399
1	Tài sản ngắn hạn	85.245.537.903	106.039.329.690
2	Tài sản dài hạn	74.583.341.252	49.315.377.709
II	Tổng nguồn vốn	159.828.879.155	155.354.707.399
1	Nợ phải trả	122.048.980.346	147.235.763.310
2	Vốn Chủ sở hữu	37.779.898.809	8.118.944.089
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	35.000.000.000	35.000.000.000

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	119.921.845.062	141.267.860.125
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.074.006.275	(29.072.769.448)
3	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	83.222.419	(29.577.732.301)

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2020.

- LN trước thuế TNDN : (29.072.769.448) đồng.
- LN sau thuế TNDN : (29.577.732.301) đồng.
- Trích lập các quỹ : 0 đồng.
- Chi trả cổ tức : 0 đồng.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, có năng lực kinh nghiệm kiểm toán, có chi phí kiểm toán phù hợp theo đúng quy định của pháp luật để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương viên chức quản lý.

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý năm 2020

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thống nhất không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020, cụ thể như sau:

Chức danh	Mức thù lao theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (đ/người/tháng)	Mức thù lao chi trả thực tế		Tổng số thù lao chi trả thực tế
		Số lượng	Mức thù lao (đ/người/tháng)	
Chủ tịch HĐQT	2.400.000	01	0	0
Thành viên HĐQT	2.100.000	04	0	0
Trưởng BKS	2.100.000	01	0	0
Thành viên BKS	1.900.000	02	0	0
Tổng cộng				0

Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả lương viên chức quản lý năm 2020, cụ thể như sau:

Lương viên chức quản lý (03 người): 627.273.600 đồng (*sáu trăm hai bảy triệu, hai trăm bảy ba nghìn, sáu trăm đồng*).

2. Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý năm 2021

Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 từ 01/01/2021, dự kiến như sau:

T T	Chức danh	Mức lương (đ/ tháng)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền phụ cấp (đ/tháng)	Tiền phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	01	10	2.400.000	28.800.000
2	Ủy viên HĐQT	21.000.000	04	10	2.100.000	100.800.000
3	Trưởng BKS	21.000.000	01	10	2.100.000	25.200.000
4	Ủy viên BKS	19.000.000	02	10	1.900.000	45.600.000
	Cộng		08			200.400.000

(Bảng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Dự kiến lương viên chức quản lý năm 2021 (3 người): **784.092.000** đồng.

(Bảng chữ: Bảy trăm tám tư triệu, không trăm chín hai nghìn đồng).

Mức thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả sẽ được xác định dựa vào kết quả SXKD của Công ty năm 2021.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Điều 9. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Quy chế mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thông nhất miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018 -2023), cụ thể như sau:

Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

1. Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị

Miễn nhiệm thành viên BKS:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Trưởng Ban kiểm soát

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông công nhận kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty nhiệm kỳ 3 (2018 – 2023)

Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

STT	ỨNG VIÊN HĐQT	SỐ PHIẾU
1	Ông Bùi Tiến Hải	4.514.390
2	Ông Đồng Quang Huy	2.417.310

Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

STT	ỨNG VIÊN BKS	SỐ PHIẾU
1	Lê Thanh Tùng	3.465.850

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Đại hội đồng cổ đông thông nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giao cho Ban kiểm soát Công ty tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội biểu quyết tán thành 100 % thông qua vào hồi 17 h 00 phút ngày 26/04/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể các cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành;
- Website Công ty;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Ngô Quốc Trung

THƯ KÝ

CHỮ KÝ CÁC CỔ ĐÔNG


Nguyễn Cao Khương


Hoàng Tuấn Anh


Nguyễn Văn Thanh


Đồng Quang Huy


Nguyễn Văn Tuấn


Mai Văn Nhượng


Mai Văn Thành

Lào Cai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Vào hồi 13 h 30 ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Công ty Cổ phần Khoáng sản 3- Vimico, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo Thư mời họp của HĐQT Công ty.

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự

- Các thành viên HĐQT Công ty;
- Các thành viên Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Cổ đông và đại diện cho các cổ đông: 07 người;
- Và các khách mời:

+ Ông Bùi Tiến Hải, thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV;

+ Các Trưởng phòng, Phó phòng Công ty;

+ Quản đốc, Phó Quản đốc các phân xưởng Công ty;

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Thanh Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 3.500.000 cổ phần
- Tổng số đại biểu là cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền tham dự có mặt là: 07 người, sở hữu và đại diện sở hữu 3.465.850 cổ phần, tương ứng 99,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đã hoàn thành thủ tục tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế Đại hội. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Đại hội đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã có đủ điều kiện tiến hành một cách hợp pháp, hợp lệ.

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

Ông Hoàng Tuấn Anh thay mặt Ban tổ chức giới thiệu Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội, mời Chủ tọa Đại hội lên điều hành Đại hội.

Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Đoàn Chủ tịch.

Các Cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch đề cử như sau:

Đoàn Chủ tịch:

1. Ông Ngô Quốc Trung : Chủ tịch Đoàn Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Cao Khương : Ủy viên

Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.

Các cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

Ban Thư ký:

1. Ông Mai Văn Thành : Thư ký Công ty - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung : Ủy viên

Ban Kiểm phiếu:

1. Ông Lã Thành Long : Trưởng ban kiểm phiếu
2. Ông Vũ Công Chung : Ủy viên
3. Bà Lê Thị Vân : Ủy viên

Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%
- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

2. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Hoàng Tuấn Anh đọc Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội đã thống nhất Quy chế làm việc của Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%

- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

3. Thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội đã nghe ông Ngô Quốc Trung thay mặt đoàn Chủ tịch đọc chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, bao gồm:

1. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2020 - Phương hướng, nhiệm vụ SXKD, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021;
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương viên chức quản lý.
5. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
6. Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
7. Tờ trình, thảo luận về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS.
8. Tờ trình, thảo luận danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung HĐQT, BKS, quy chế bầu cử.
9. Tổ chức bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS.
10. Các nội dung khác do cổ đông đề xuất tại Đại hội và thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã thống nhất nội dung chương trình nghị sự của Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%
- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

4. Trình bày các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

4.1. Ông Nguyễn Cao Khương – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo tình hình hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2020 - Phương hướng nhiệm vụ SXKD, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021.

4.2. Ông Ngô Quốc Trung – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

4.3. Bà Phạm Thị Ngọc Linh – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

4.4. Ông Trần Trung Thành – Kế toán trưởng trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ

tức năm 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương viên chức quản lý.

4.5. Ông Hoàng Tuấn Anh, TV HĐQT Công ty trình bày:

- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.

III. THẢO LUẬN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI.

Ý kiến ông Ngô Quốc Trung

- Điều lệ tên Viết tắt của Công ty chỉ để là Mico 3.
- Đề nghị Công ty Nghiên cứu đề vận dụng Nghị quyết 02/2021/NQ- HĐND ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc giảm mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, mức thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai do ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19.

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2020 - Phương hướng nhiệm vụ SXKD, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021.

1.1. Kết quả SXKD, ĐTXD năm 2020.

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/ Nghị quyết ĐHĐCĐ (%)
I	Khối lượng sản xuất				
1	Tinh quặng sắt Kíp Tróc ($\geq 60\%$ Fe)	tấn	60.735	60.270	99,2
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ (52 ± 1) % Fe	tấn	153.148	3.899	2,55
3	Xúc bốc, vận chuyển	m ³	500.000	949.079	189,81
4	Kinh doanh dầu Diezel	lít	8.000.000	4.637.896	58
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	147.343	141.268	95,87
2	Nộp NSNN	Tr.đ	62.098	18.888	30,41
3	LN trước thuế	Tr.đ	2.382	(29.073)	
4	Tỷ suất lợi nhuận / VCSH	%			
5	Quỹ lương thực hiện	Tr.đ	14.753	12.393	84

6	Lao động SD bình quân	người	180	145	80,56
7	Thu nhập bình quân người/ tháng	Tr.đ	6,83	7,12	104,25
8	Chi trả cố tức	%	5	0	
9	Đầu tư XDCB	Tr.đ	8.000	0	

1.2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu hiện vật			
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước ($\geq 60\%$ Fe)	tấn	77.000	
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ ($52\pm 1\%$) Fe	tấn	100.000	
3	Bốc xúc, vận chuyển thuê ngoài			
-	Xúc bốc	m ³	1.300.000	
-	Vận chuyển	T.km	15.600.000	
II	Các chỉ tiêu kinh tế			
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	230.696	
2	Nộp ngân sách	Tr.đ	53.674	
3	LN trước thuế	Tr.đ	3.138	
4	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	8,96	
5	Chi trả cố tức	%	0	
6	Quỹ lương	Tr.đ	15.766	
7	Lao động SD bình quân	Người	161	
8	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	8,16	
9	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đ	200	

1.3. Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021.

Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021, cụ thể như sau:

- + Công nhân vận hành máy xúc gạt : 07 người.
- + Công nhân lái xe Ô tô vận tải : 05 người.

- + Công nhân tuyển khoáng :10 người.
- + Công nhân cơ khí : 05 người.
- + Phục vụ, phụ trợ : 05 người.

Tổng cộng dự kiến tuyển dụng lao động năm 2021: 32 người.

Đối với kế hoạch SXKD, ĐTXD, tuyển dụng lao động năm 2021 đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế xem xét, cân đối và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

4.1. Bảng cân đối kế toán

TT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (01/01/2020)	Số cuối năm (31/12/2020)
I	Tổng tài sản	159.828.879.155	155.354.707.399
1	Tài sản ngắn hạn	85.245.537.903	106.039.329.690

2	Tài sản dài hạn	74.583.341.252	49.315.377.709
II	Tổng nguồn vốn	159.828.879.155	155.354.707.399
1	Nợ phải trả	122.048.980.346	147.235.763.310
2	Vốn Chủ sở hữu	37.779.898.809	8.118.944.089
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	35.000.000.000	35.000.000.000

4.2. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	119.921.845.062	141.267.860.125
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.074.006.275	(29.072.769.448)
3	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	83.222.419	(29.577.732.301)

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020.

- LN trước thuế TNDN : (29.072.769.448) đồng.
- LN sau thuế TNDN : (29.577.732.301) đồng.
- Trích lập các quỹ : 0 đồng.
- Chi trả cổ tức : 0 đồng.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, có năng lực kinh nghiệm kiểm toán, có chi phí kiểm toán phù hợp theo đúng quy định của pháp luật để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, lương viên chức quản lý.

7.1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thống nhất không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020, cụ thể như sau:

Chức danh	Mức thù lao theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (đ/người/tháng)	Mức thù lao chi trả thực tế		Tổng số thù lao chi trả thực tế
		Số lượng	Mức thù lao (đ/người/tháng)	
Chủ tịch HĐQT	2.400.000	01	0	0
Thành viên HĐQT	2.100.000	04	0	0
Trưởng BKS	2.100.000	01	0	0
Thành viên BKS	1.900.000	02	0	0
Tổng cộng				0

Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả lương viên chức quản lý năm 2020, cụ thể như sau:

Lương viên chức quản lý (03 người): 627.273.600 đồng (sáu trăm hai bảy triệu, hai trăm bảy ba nghìn, sáu trăm đồng).

7.2. Dự kiến mức thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý năm 2021.

Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 từ 01/01/2021, dự kiến như sau:

T T	Chức danh	Mức lương (đ/ tháng)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền phụ cấp (đ/tháng)	Tiền phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	01	10	2.400.000	28.800.000
2	Ủy viên HĐQT	21.000.000	04	10	2.100.000	100.800.000
3	Trưởng BKS	21.000.000	01	10	2.100.000	25.200.000
4	Ủy viên BKS	19.000.000	02	10	1.900.000	45.600.000
	Cộng		08			200.400.000

(Bảng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Dự kiến lương viên chức quản lý năm 2021 (3 người): 784.092.000 đồng.

(Bảng chữ: Bảy trăm tám tư triệu, không trăm chín hai nghìn đồng).

Mức thù lao HĐQT, BKS, lương viên chức quản lý trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả sẽ được xác định dựa vào kết quả SXKD của Công ty năm 2021.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp

số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

10. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Quy chế mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

11. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Quy chế mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

V. MIỄN NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT.

Ông Ngô Quốc Trung trình bày:

- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018 -2023)

- Tờ trình danh sách ứng viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018 -2023)

- Quy chế bầu cử

Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018 -2023), cụ thể như sau:

- **Miễn nhiệm thành viên HĐQT:**

1. Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tịch HĐQT

2. Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Thành viên HĐQT

- **Miễn nhiệm thành viên BKS:**

1. Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Trưởng Ban kiểm soát.

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

Đại hội đồng cổ đông thống nhất danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung HĐQT, BKS, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Cổ phần nắm giữ/ đại diện	Vị trí đề cử
1	Bùi Tiến Hải	013327645	785.000	Thành viên HĐQT
2	Đông Quang Huy	036082000213	437.800	Thành viên HĐQT
3	Lê Thanh Tùng	019088000251	0	Thành viên BKS

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Quy chế bầu cử

Đồng ý:	3.465.850 CP	Chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không đồng ý:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH
Không có ý kiến:	0 CP	Chiếm 0% cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ĐH

Ban kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử, phát phiếu bầu, kiểm phiếu bầu

Ông Lã Thành Long, Trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu bầu cử, kết quả như sau:

Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

STT	ỨNG VIÊN HĐQT	SỐ PHIẾU
1	Ông Bùi Tiến Hải	4.514.390
2	Ông Đồng Quang Huy	2.417.310

Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

STT	ỨNG VIÊN BKS	SỐ PHIẾU
1	Lê Thanh Tùng	3.465.850

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát họp bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát.

VI. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Lã Thành Long thay mặt ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về việc thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý đạt 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

Ông Mai Văn Thành – Trưởng Ban thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Ông Nguyễn Cao Khương mời Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới ra mắt Đại hội và mời các ông, bà thôi không tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lên chia tay.

Ông Hoàng Tuấn Anh tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 17 h 00 phút cùng ngày./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- UBCKNN; Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Quốc Trung

CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG


Nguyễn Cao Khương


Hoàng Tuấn Anh


Nguyễn Văn Thanh


Đông Quang Huy


Nguyễn Văn Tuấn


Mai Văn Nhượng

THƯ KÝ


Mai Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 104 / BC - KS3

Lào Cai, ngày 23 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐTXD NĂM 2020
KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD, TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

**PHẦN THỨ NHẤT:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD, ĐTXD NĂM 2020**

I. Đặc điểm, tình hình chung

Bước vào thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020, Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi.

Được sự quan tâm toàn diện của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

2. Khó khăn.

Thực hiện kế hoạch năm 2020 Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 kéo dài; Điều kiện khai thác không thuận lợi do các tầng tuyển đã xuống sâu, thuế phí tăng cao, công tác đầu tư mở sắt Kíp Tước kéo dài do dịch bệnh; Mở sắt Làng Vinh – Làng Cọ dừng đầu tư, khai thác để tìm kiếm nhà đầu tư hợp tác đầu tư, khai thác mỏ; Công tác bốc xúc, vận chuyển và san gạt tại mỏ đồng Tả Phời thiếu máy móc thiết bị, điều kiện thi công gặp nhiều khó khăn như độ dốc lớn (TB > 13%), thi công phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, thanh toán chậm... từ 20/11/2020 Công ty đã chấm dứt thi công tại mỏ đồng Tả Phời; từ tháng 9/2020 Công ty tham gia bốc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền nhưng thiếu máy móc thiết bị, Công ty phải đi thuê ngoài toàn bộ khối lượng.

Mỏ Kaolin Fenspat đã hết hạn giấy phép khai thác từ 15/4/2015, Công ty đang chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại giấy phép khai thác.

Tình hình lao động trong Công ty có nhiều biến động, một số công nhân có chuyên môn cao xin nghỉ việc nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Khoáng sản –TKV, Hội đồng quản trị Công ty và những quyết sách kịp thời, linh

hoạt của Lãnh đạo Công ty cùng với sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV nên Công ty đã đạt được kết quả SXKD năm 2020 với những chỉ tiêu chủ yếu sau :

1. Khai thác, chế biến khoáng sản

- Tinh quặng sắt Kíp Tước $\geq 60\%Fe$: 60.270 tấn, đạt 99,23 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 3.899 tấn, đạt 2,55% Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

2. Bốc xúc, vận chuyển, san gạt thuê ngoài

- Bốc xúc thuê ngoài: 949.079 m³, đạt 189,81% Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, trong đó:

+ Bốc xúc Tả Phời: 297.313 m³.

+ Bốc xúc Sin Quyền: 651.766 m³.

- Vận chuyển thuê ngoài: 9.719.414 T.km, đạt 242,98 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, trong đó:

+ Vận chuyển Tả Phời: 1.463.436 T.km.

+ Vận chuyển Sin Quyền: 8.255.978 T.km.

- San gạt tại mỏ đồng Tả Phời: 75.663 m³.

3. Kinh doanh dầu Diesel

- Dầu Diesel cung cấp cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền: 4.637.896 lít, đạt 58% Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

4. Tiêu thụ sản phẩm :

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 72.032 tấn, đạt 118,60 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 9.000 tấn, đạt 5,87% Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

- Bốc xúc: 949.079 m³, đạt 189,81 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, trong đó:

+ Bốc xúc Tả Phời: 297.313 m³.

+ Bốc xúc Sin Quyền: 651.766 m³.

- Vận chuyển: 9.719.414 T.km, đạt 242,98 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, trong đó:

+ Vận chuyển Tả Phời: 1.463.436 T.km

+ Vận chuyển Sin Quyền: 8.255.978 T.km.

- San gạt tại mỏ đồng Tả Phời: 75.663 m³.

- Dầu Diesel cung cấp cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền : 4.637.896 lít, đạt 58 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

5. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

- Tổng doanh thu :141.268 triệu đồng, đạt 95,87 % NQ ĐHĐCĐ năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế :(29.073) triệu đồng.
- Quỹ tiền lương :12.393 triệu đồng, đạt 84% NQ ĐHĐCĐ năm 2020.
- Lao động BQSD :145 người, đạt 80,56% NQ ĐHĐCĐ năm 2020.
- Tiền lương bình quân :7,12 triệu đồng/ng/tháng, đạt 104,24 % NQ ĐHĐCĐ năm 2020.
- Nộp NSNN :18.888 triệu đồng, đạt 30,41% NQ ĐHĐCĐ năm 2020.
- Hệ số bảo toàn vốn: 0,21. Công ty không bảo toàn được vốn của Chủ sở hữu.

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu 18,13 lần vượt quá mức quy định của Bộ tài chính (< 3 lần), Công ty thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.

Năm 2020 Công ty lỗ 29.073 triệu đồng, nguyên nhân chính của lỗ là khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến 2020 tính vào chi phí với tổng số tiền là 26.357 triệu đồng, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm 5.417 triệu đồng.

6. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2020

Năm 2020 Công ty không đạt được các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đề ra.

- Tại mỏ sắt Kíp Tước: Từ quý 3 năm 2020 giá quặng sắt đã phục hồi, Công ty đẩy mạnh sản xuất tinh quặng sắt mỏ sắt Kíp Tước nhưng do dây chuyền nghiền tuyển quặng sắt đã quá cũ nát và thường xuyên hỏng hóc kéo dài. Trong năm 2020 sản xuất được 60.270 tấn tinh quặng sắt, hàm lượng đảm bảo tiêu thụ, đạt 99,23 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

- Tại mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ: Năm 2020, Công ty dừng sản xuất để triển khai Phương án hợp tác đầu tư, khai thác mỏ Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Công tác bốc xúc, vận chuyển, san gạt tại mỏ đồng Tả Phời: Do điều kiện thi công gặp nhiều khó khăn (thiếu máy móc thiết bị, thi công phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, thanh toán chậm...) nên khối lượng thi công đạt rất thấp, công ty bị lỗ khi tham thi công tại mỏ đồng Tả Phời, từ 20/11/2020 Công ty đã chấm dứt thi công tại mỏ đồng Tả Phời.

- Công tác bốc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền: Từ tháng 9/2020 Tổng công ty tạo điều kiện cho Công ty thi công bốc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền, thi công sản lượng đạt vượt mức kế hoạch đề ra nhưng

do Công ty không có máy móc thiết bị mà phải đi thuê ngoài toàn bộ khối lượng nên lợi nhuận từ việc thi công tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền đạt thấp.

- Kinh doanh dầu Diezel: Năm 2020 Tổng công ty đã tạo điều kiện cho Công ty làm dịch vụ cung cấp dầu Diezel cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần xăng dầu Tự Lực I để cung cấp dầu Diezel cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, khối lượng năm 2020 đạt 4.637.896 lít, đạt 58 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

III. Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

1. Công tác Kế hoạch - Đầu tư

Ngay từ quý 3 năm 2019, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch công nghệ, kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Tổng công ty phê duyệt và làm căn cứ cho Công ty ký hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh với Tổng công ty. Các chỉ tiêu kế hoạch công nghệ xây dựng cụ thể, chi tiết và có khoa học, các chỉ tiêu định mức áp dụng cho xây dựng kế hoạch giá thành đảm bảo tiên tiến, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về công tác định mức: Công ty đã tiến hành xây dựng các loại định mức về lao động, vật tư chi tiết giao cho các đơn vị thực hiện. Tổ chức nghiệm thu và đánh giá công tác thực hiện định mức của các cơ sở để có sự điều chỉnh kịp thời phục vụ sản xuất đạt hiệu quả.

Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy trình, quy phạm về quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiến hành lập kế hoạch sản xuất hàng tháng, quý, năm phù hợp với thực tế sản xuất.

- Về công tác ĐTXDCB: Năm 2020, do tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn, mặt khác Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ sắt làng Vinh - Làng Cọ dừng đầu tư, khai thác mỏ để tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư, khai thác mỏ nên trong năm 2020 Công ty không thực hiện hạng mục đầu tư nào.

2. Công tác Kỹ thuật, Cơ điện, An toàn và môi trường.

- Công tác khai thác:

+ Đối với mỏ sắt Kíp Tước: Mặc dù điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu và gặp nhiều khó khăn, nhưng mỏ vẫn đảm bảo sản lượng sản xuất và chất lượng quặng đầu vào cấp cho xưởng tuyển khoáng.

- Công tác tuyển khoáng tại mỏ Kíp Tước: Công nghệ tuyển sắt duy trì ổn định. Công ty thực hiện tốt giải pháp điều chỉnh công nghệ để tuyển tinh quặng sắt có hàm lượng cao. Công ty đã thay thế cả 02 máy nghiền bi cho 02 dây chuyền nghiền tuyển quặng sắt nhưng do ảnh hưởng dịch covid 19 nên việc thay thế 01 máy nghiền bi bị chậm 02 tháng so với kế hoạch (Công ty phải hủy hợp đồng đặt mua bên Trung Quốc và tìm mua ở trong nước), mặt khác dây chuyền nghiền tuyển đã

quá cũ nát (đầu tư từ năm 2010, 2011) thường xuyên hỏng hóc kéo dài, chi phí sửa chữa lớn làm giảm hiệu quả SXKD. Từ tháng 9/2020 Công ty đã lắp đặt thêm máy nghiền Côn để tăng sản lượng quặng vào tuyển, hiện nay máy nghiền Côn hoạt động hiệu quả, sản lượng tinh quặng đạt được kế hoạch đề ra.

- Công tác phát triển tài nguyên: Hiện nay Công ty đã hoàn thiện các thủ tục để xin Giấy phép khai thác Kaolin – Fenspat mỏ Hang Dơi, Giáp Lai, Thanh Sơn, Phú Thọ. Dự kiến trong năm 2021 Công ty sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

- Công tác Cơ điện: Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý kỹ thuật cơ điện. Bảo quản, sử dụng thiết bị có hiệu quả, huy động đầy đủ vào sản xuất. Quản lý tốt các máy móc thiết bị, sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị bị hỏng phục vụ sản xuất. Năng suất các máy móc thiết bị bình quân đạt > 93 %.

- Công tác An toàn - Môi trường:

Thực hiện nghiêm các quy định về ATVSLĐ- PCCN, PCTT - TKCN. Giá trị thực hiện là 568,7 triệu đồng, đạt 60,89% kế hoạch. Chi phí bảo vệ môi trường thường xuyên: 168,6 triệu đồng, đạt 67,43% kế hoạch. Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, huấn luyện PCCC cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên cơ sở tại các tổ đội sản xuất: Hội đồng BHLĐ: 10 người, ATVSV cơ sở: 10 người.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định. Năm 2020 đã khám sức khỏe định kỳ cho 117 lao động có hợp đồng thời hạn từ 12 tháng trở lên, đạt 90,7 %.

Trong năm 2020, Công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

3. Công tác tài chính kế toán.

Công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính nên việc nộp NSNN, phải trả người bán và cung cấp dịch vụ chưa đúng hạn, thanh toán lương và chế độ người lao động còn chưa được kịp thời.

Công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán, đảm bảo kịp thời, chính xác theo quy định, hướng dẫn của Tập đoàn và Tổng công ty;

Công tác thống kê được cập nhật thường xuyên từ các phân xưởng đến các phòng ban;

4. Công tác tổ chức lao động tiền lương và thực hiện chế độ chính sách.

Năm 2020 tình hình lao động có nhiều biến động, sản xuất của công ty bị thu hẹp, thiếu việc làm, phải sắp xếp lại lực lượng lao động cho phù hợp. Lao động đầu kỳ 147 người, tăng trong kỳ 11 người (chủ yếu là công nhân kỹ thuật); lao động giảm trong kỳ 29 người; lao động cuối kỳ 129 người (trong đó Văn phòng Công ty 27 người ; PX sắt Kíp Tước 84 người ; Phân xưởng sắt Võ Lao 14 người; Xí nghiệp 303 04 người).

Trong kỳ giải quyết chế độ hưu trí cho 03 lao động

Lao động bình quân sử dụng năm 2020 là 145 người, tiền lương bình quân đạt 7,12 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã xây dựng mới hệ thống thang bảng lương năm 2020, tiến hành ký lại phụ lục HĐLĐ theo mức lương mới cho người lao động trên cơ sở đó tiến hành trích nộp BHXH theo mức lương mới và thanh toán, giải quyết các chế độ cho người lao động.

5. Tình hình thực hiện các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động.

Công ty đã xây dựng, ban hành Nội quy lao động; Hệ thống định mức đơn giá giao khoán; Hệ thống Thang bảng lương. Đây là những căn cứ để quản lý lao động và thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người lao động. Trong thời gian tới để phù hợp với tình hình thực tế, các quy định mới của Nhà nước về lao động tiền lương, và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty sẽ tiến hành ban hành mới, sửa đổi bổ sung Phương án phân phối tiền lương, Hệ thống định mức đơn giá giao khoán tại các đơn vị để phù hợp với quỹ lương 2021; sửa đổi bổ sung Thỏa ước Lao động tập thể.

6. Việc trích lập và sử dụng kinh phí công đoàn.

Việc trích nộp kinh phí công đoàn thực hiện theo hướng dẫn của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và theo quy định của Công đoàn Tổng công ty. Số dư đầu kỳ là 11,90 triệu đồng, tăng trong năm 280,32 triệu đồng. Thực hiện chi các khoản mục khen thưởng, thăm hỏi người lao động, hoạt động phong trào và nộp kinh phí cấp trên là 275,49 triệu đồng. Số dư đến 31/12/2020 là 16,77 triệu đồng.

7. Tình hình thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên phát động nhiều đợt thi đua lớn lập thành tích chào mừng tháng công nhân và những ngày lễ lớn kỷ niệm của đất nước.

IV. Tồn tại, hạn chế

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những việc đã làm được, trong công tác quản lý vẫn còn tồn tại một số những hạn chế:

- Căn cứ Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2017 - 2020, Khối Văn phòng Công ty đã thực hiện tinh giảm từ 06 phòng xuống còn 04 phòng chức năng phù hợp với mô hình SXKD của Công ty hiện tại, nhưng tỷ lệ lao động gián tiếp khối Văn phòng Công ty vẫn còn cao so với mô hình tổ chức, định biên lao động. Trong giai đoạn tới cần tiếp tục cơ cấu lại cho phù hợp.

- Do đặc thù sản xuất của Công ty là phân tán, ở nhiều địa điểm xa nhau nên việc điều động máy móc thiết bị gặp nhiều khó khăn và tốn kém.

- Đa số các máy móc thiết bị đã hết khấu hao, thường xuyên hỏng hóc kéo dài, chi phí sửa chữa lớn, làm giảm hiệu quả SXKD.

- Công tác tự kiểm tra của Quản đốc phân xưởng, của tổ trưởng tổ sản xuất trong công tác AT-VSLĐ đối với người lao động chưa quyết liệt. Mạng lưới AT-VSV Công ty hoạt động còn hạn chế.

2. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát mục tiêu nhiệm vụ, quyết liệt trong điều hành đồng bộ các giải pháp đề ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản trị chặt chi phí góp phần quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh.

- Làm tốt công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền kịp thời tới người lao động để nắm rõ tình hình khó khăn chung của Công ty và từ đó có sự đồng cảm, chia sẻ trong công tác điều hành quản lý, tiết giảm chi phí và điều chỉnh thu nhập hợp lý.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD, TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2021

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV cũng như địa phương nơi Công ty sản xuất kinh doanh.

Tập thể CBCNV toàn Công ty đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển. Đây là điều kiện để Công ty vượt qua những khó khăn hiện tại.

2. Khó khăn

Năm 2021 được dự báo còn nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid -19 vẫn diễn biến phức tạp, chế chính sách thuế, phí, phụ thu... tại địa phương các mỏ tăng cao. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

Điều kiện khai thác mỏ khó khăn hơn so với những năm trước.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ chung của Công ty

1. Mục tiêu

Dự kiến được những khó khăn trước mắt Công ty chủ trương tiết giảm tối đa chi phí, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động SXKD. Khắc phục mọi khó khăn để tạo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và người lao động.

Mục tiêu cơ bản: AN TOÀN - HIỆU QUẢ - ỔN ĐỊNH - PHÁT TRIỂN

1. Nhiệm vụ

Năm 2021 Công ty tiếp tục sản xuất tinh quặng sắt tại mỏ Kíp Tước, khai thác chế biến quặng sắt mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ, tham gia bốc xúc và vận chuyển

tại mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai. Tiếp tục tìm kiếm thêm việc làm trong và ngoài Tổng công ty để tạo thêm doanh thu, việc làm và thu nhập cho người lao động.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác Kaolin – Fenspat mỏ Hang Dơi, Thanh Sơn, Phú Thọ. Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

*** Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021**

- Tổng doanh thu	: 230.696 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương	: 15.766 triệu đồng.
- Lợi nhuận	: 3.138 triệu đồng.
- Nộp NSNN	: 53.674 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng	: 161 người.
- Thu nhập BQ	: 8,16 triệu đồng/người/tháng.
- ĐTXDCB	: 200 triệu đồng.

*** Khối lượng sản xuất**

- Quặng sắt Kíp Tước ($\geq 60\%$ fe)	: 77.000 tấn.
- Quặng sắt Làng Vinh - Làng Cọ	: 100.000 tấn.
- Bóc xúc, vận chuyển thuê ngoài	: 1.300.000 m ³

*** Kế hoạch tuyển dụng lao động**

Để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 và những năm tiếp theo, Công ty lập kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021, cụ thể như sau:

+ CN vận hành máy xúc gạt:	07 người.
+ CN lái xe Ô tô vận tải:	05 người.
+ CN tuyển khoáng:	10 người.
+ CN cơ khí:	05 người.
+ Phục vụ, phụ trợ:	05 người.
- Tổng cộng dự kiến tuyển dụng năm 2021:	32 người.

III. Những biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2021, ổn định sản xuất và phát triển bền vững, Công ty áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên.
- Đầu tư, huy động thiết bị linh hoạt có trọng tâm phù hợp với yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn sản xuất.
- Khai thác có chọn lọc, tiết kiệm tối đa tài nguyên nhằm giảm giá thành sản xuất.
- Căn cứ Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2017 - 2020, Khối Văn phòng Công ty đã thực hiện tinh giảm từ 06 phòng xuống còn 04 phòng chức năng phù hợp với mô hình SXKD của Công ty hiện tại. Nhưng

tỷ lệ lao động gián tiếp khối Văn phòng Công ty vẫn còn cao so với mô hình tổ chức, định biên lao động, trong giai đoạn tới cần tiếp tục cơ cấu lại cho phù hợp.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ công nhân vận hành, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ chỉ huy sản xuất để sử dụng và phát huy tối đa năng suất của các thiết bị dây chuyền. Có chính sách thích hợp để thu hút nguồn nhân lực có trình độ, đặc biệt là kỹ sư cơ điện, tuyển khoáng, trắc địa... có kinh nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện tại cũng như đào tạo chuẩn bị cho việc phục hồi sản xuất của Công ty.

- Ngoài các mỏ đơn vị đang quản lý khai thác, Công ty chủ động tìm kiếm thêm công việc tạo tiền đề cho hướng phát triển bền vững.

- Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ - an toàn môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động nặng và sự cố đáng tiếc. Hoàn thiện hệ thống nội quy, quy định, sổ sách, tài liệu phù hợp quy định chung của Tổng công ty, của Công ty và điều kiện thực tế của từng đơn vị sản xuất.

- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, coi đây là một nội dung quan trọng góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng uỷ Công ty. Cùng cố phát huy vai trò, trách nhiệm các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và các phong trào hoạt động văn hoá, thể thao, an ninh quốc phòng. Tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống văn hoá trong đơn vị. Nêu cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân CBCNV Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2020, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các Quý vị cổ đông để Công ty từng bước vượt qua những khó khăn, thách thức, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Xin trân thành cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cao Khương

Số: 105 /BC - HĐQT

Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/ QH 14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được HĐQT Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-KS3 ngày 15/11/2019;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện các mặt công tác quản lý năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Tình hình chung

Năm 2020 trong điều kiện sản xuất của Công ty còn gặp nhiều khó khăn (ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 kéo dài, điều kiện khai thác không thuận lợi do các tầng tuyến đã xuống sâu, thuế phí tăng cao, công tác đầu tư mỏ sắt Kíp Tước kéo dài do dịch bệnh; Mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ dừng đầu tư và khai thác để tìm kiếm nhà đầu tư hợp tác đầu tư, khai thác mỏ, mỏ CaoLin - Fenspat hết hạn giấy phép khai thác từ 15/4/2015; Công tác bốc xúc, vận chuyển và san gạt tại mỏ đồng Tả Phời thì thiếu máy móc thiết bị, điều kiện thi công gặp nhiều khó khăn như độ dốc lớn (TB > 13%), tiến độ thi công phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, thanh toán chậm... từ 20/11/2020 Công ty đã chấm dứt thi công tại mỏ đồng Tả Phời; Từ tháng 9/2020 Công ty tham gia bốc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyến đồng Sin Quyền nhưng thiếu máy móc thiết bị, Công ty phải đi thuê ngoài toàn bộ khối lượng). Tuy nhiên HĐQT đã luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ SXKD của Công ty do Đại hội cổ đông thường niên và đại hội cổ đông bất thường đề ra để giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan trong Công ty để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Hoạt động của HĐQT và những kết quả đạt được

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị năm 2020

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được bầu từ năm 2018 đến nay gồm 05 thành viên:

- + Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tịch HĐQT
- + Ông Nguyễn Cao Khương - Thành viên HĐQT
- + Ông Cao Anh Hào - Thành viên HĐQT
- + Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Thành viên HĐQT
- + Ông Hoàng Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

2.2. Những kết quả đạt được trong năm 2020

a. Đánh giá chung về tình hình SXKD, ĐTXDCB năm 2020:

Kết quả thực hiện KHSXKD, ĐTXD năm 2020 so với kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua như sau:

* Khai thác, chế biến khoáng sản

- Tinh quặng sắt Kíp Tước $\geq 60\%Fe$: 60.270 tấn, đạt 99,23 % Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020.

- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 3.899 tấn, đạt 2,55% Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020.

* Khai thác, bóc xúc thuê ngoài

- Bóc xúc thuê ngoài: 949.079 m³, đạt 189,81% Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020, trong đó:

+ Bóc xúc Tả Phời: 297.313 m³.

+ Bóc xúc Sin Quyền: 651.766 m³.

- Vận chuyển thuê ngoài: 9.719.414 T.km, đạt 242,98 % Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020, trong đó:

+ Vận chuyển Tả Phời: 1.463.436 T.km.

+ Vận chuyển Sin Quyền: 8.255.978 T.km.

- San gạt tại mỏ đồng Tả Phời: 75.663 m³.

* Kinh doanh dầu Diesel:

- Dầu Diesel cung cấp cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền: 4.637.896 lít, đạt 58% Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020.

* Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp:

- Tổng doanh thu : 141.268 triệu đồng, đạt 95,87 % NQ ĐHCĐ năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế : (29.073) triệu đồng

- Quỹ tiền lương : 12.393 triệu đồng, đạt 84% NQ ĐHCĐ năm 2020.

- Lao động BQSD : 145 người, đạt 80,56% NQ ĐHCĐ năm 2020.

- Tiền lương bình quân : 7,12 triệu đồng/ng/tháng, đạt 104,25 %NQ ĐHCĐ năm 2020.

- Nộp NSNN : 18.888 triệu đồng, đạt 30,41% NQ ĐHCĐ năm 2020.

Do những khó khăn trong hoạt động SXKD, ĐTXDCB năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp do bị cắt giảm khối lượng bóc xúc tại mỏ Sin

Quyền,... nên nhìn chung Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.

b. Kết quả giám sát công tác tài chính và tình hình tài chính

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện nghiêm túc Quy chế tài chính, các định mức nội bộ, giám sát công tác chi tiêu đảm bảo chi tiêu tiết kiệm. Chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện quyết liệt các chỉ thị của Chính phủ, Tập đoàn, Tổng công ty Khoáng sản - TKV về công tác tiết giảm chi phí trong sản xuất.

Theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY và uỷ quyền cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng với Công ty này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Hiện Báo cáo đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng và trên Website Công ty.

Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS: Năm 2020 Công ty không đạt được các chỉ tiêu về khối lượng, doanh thu, lợi nhuận... do ĐHĐCĐ năm 2020 đã đề ra, mặt khác tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên Hội đồng quản trị thống nhất không chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020.

c. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua cuộc họp định kỳ hàng quý, Ban điều hành định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động SXKD, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban điều hành đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động SXKD.

Nhìn chung công tác giám sát đối với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám sát mục tiêu kế hoạch do HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra. Thành viên của HĐQT cũng là thành viên của Ban điều hành nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban điều hành cho HĐQT được thuận lợi và kịp thời.

Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty bằng những phương tiện viễn thông như (điện thoại, email...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Trong năm 2020, HĐQT cũng đã thực hiện giám sát hoạt động SXKD của Công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, kinh doanh và đầu tư. Kết quả giám sát cũng đã được Ban điều hành báo cáo gửi các thành viên HĐQT hàng quý.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

3. Đánh giá chung

Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Giám sát và chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược do HĐQT đề xuất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty. Kịp thời xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2021, bên cạnh những khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19, hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các ngành bị đình trệ,... Công ty còn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức đó là: giá quặng sắt vẫn ở mức thấp và chậm phục hồi, chính sách thuế phí tiếp tục tăng cao, công tác đền bù GPMB, thuê đất gặp nhiều khó khăn, thủ tục triển khai dự án đầu tư phức tạp, việc thi công bóc xúc thuê bị ảnh hưởng do tình hình khó khăn của các chủ mỏ,...

Trước tình hình đó, HĐQT Công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 với các nội dung chủ yếu:

1.1. Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ chính trong SXKD như sau:

* Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021

- Tổng doanh thu	:230.696 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương	:15.766 triệu đồng.
- Lợi nhuận	: 3.138 triệu đồng.
- Nộp NSNN	: 53.674 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng	: 161 người.
- Thu nhập BQ	: 8,16 triệu đồng/người/tháng.
- ĐTXDCB	: 200 triệu đồng.

* Khối lượng sản xuất

- Tinh quặng sắt Kíp Tước	: 77.000 tấn.
- Quặng sắt Làng Vinh - Làng Cọ	: 100.000 tấn.
- Bóc xúc, vận chuyển thuê ngoài	: 1.300.000 m ³ .

1.2. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2021, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

1.3. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho Kế hoạch SXKD năm 2021: Năng lực hoạt động của thiết bị; bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng.

2. Tăng cường giám sát và chỉ đạo Bộ máy quản lý, điều hành thực hiện tốt các mặt quản lý:

2.1. Công tác tổ chức quản lý

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, nhất là việc khoán chi phí, trả lương, thưởng hợp lý động viên người lao động tăng năng suất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục tiến hành rà soát, bố trí lại cán bộ từ Công ty đến các phòng quản lý, các phân xưởng,... đảm bảo đủ cả về số lượng lẫn chất lượng để Công ty hoạt động phát triển.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng mới một số quy chế quản lý của Công ty như: Quản lý công tác kế hoạch, giá thành, đầu tư, vật tư, cơ điện, kỹ thuật, tài chính, tiền lương, hành chính, an toàn lao động ...

2.2. Công tác quản trị chi phí

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, quản trị chi phí từ Công ty đến các phân xưởng. Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Xây dựng chi tiết đơn giá giao khoán trong nội bộ phục vụ cho khoán trong Công ty.

- Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản: Rà soát, hoàn thiện công tác QLKTCB trong khai thác, tuyển khoáng, cơ điện và tổ chức thực hiện tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ; hoàn thiện, xây dựng các định mức tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ phục vụ cho công tác khoán; hoàn thiện các hệ thống quản lý kỹ thuật, hệ thống sổ sách thống kê, nghiệm thu, theo dõi quá trình sản xuất...

2.3. Công tác tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ quặng sắt tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, đảm bảo tuân theo các quy định của Tổng công ty, của Tập đoàn và Nhà nước. Mở rộng thị trường tiêu thụ quặng sắt, đặc biệt chú ý về chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

2.4. Công tác đầu tư XDCB:

- Xem xét, nghiên cứu phương án thực hiện đầu tư Dự án khai thác mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ phù hợp để tổ chức triển khai đảm bảo có hiệu quả hoặc thu hồi được vốn đã đầu tư.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước trong hoạt động đấu thầu, quản lý hợp đồng xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện các dự án.

2.5. Công tác địa chất thăm dò phát triển tài nguyên:

- Tập trung làm việc với các cơ quan chức năng hoàn thiện các công tác xin cấp phép khai thác mỏ Caolin - Fenspat.

- Thành lập tổ tìm kiếm thăm dò để thăm dò 1 số điểm mỏ mới.

2.6. Công tác điều hành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổ chức điều hành sản xuất một cách linh hoạt, thích ứng với công tác quản lý của Tổng công ty, của Tập đoàn với tình hình kinh tế từng thời điểm. Tập trung sửa chữa thiết bị, hoàn thiện công nghệ tuyển sắt tại mỏ Kíp Tước để gia tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm.

- Ngoài việc tổ chức thực hiện khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ, tìm kiếm thêm các công việc thi công bóc xúc thuê ngoài tăng việc làm, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc tích cực bám sát, làm việc với UBND tỉnh Lào Cai, các sở, ban ngành tỉnh Lào Cai điều chỉnh giảm mức phụ thu từ khai thác quặng sắt.

- Thực hiện đúng pháp luật về hoạt động khoáng sản, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.

3. Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ. Xây dựng kỷ luật, kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp.

4. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành.

5. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Công ty để vượt qua khó khăn và phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển của Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

6. Về thù lao HĐQT, BKS đề nghị ĐHCĐ thông qua mức thù lao HĐQT và BKS như kế hoạch 2021 trình Đại hội.

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021, Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: HĐQT, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quốc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Tháng 4- 2021



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khoáng sản 3- Vimico

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3- Vimico;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty,
Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

I- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tổ chức và phân công công việc cho các thành viên BKS.

Năm 2020, Ban kiểm soát của Cty CP Khoáng sản 3 không có sự thay đổi gì về nhân sự, gồm 3 thành viên:

- Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Thành viên
- Ông Mai Văn Thành - Thành viên

Mỗi thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ được phân công theo biên bản họp phân công nhiệm vụ của BKS.

2. Hoạt động của BKS năm 2020

BKS chủ động tiến hành các hoạt động, thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế hoạt động của BKS.

Trong năm 2020, BKS tổ chức các phiên làm việc trực tiếp và qua email (do tình hình dịch bệnh Covid) cụ thể:

- Phiên thứ nhất: vào ngày 06/4/2020 với nội dung: thẩm định BCTC năm 2019 và Lập báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Phiên thứ 2: vào ngày 13-14/08/2020 với nội dung: Kiểm tra tình hình SXKD 7 tháng đầu năm 2020, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và các Nghị quyết HĐQT; Rà soát tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế mua, bán năm 2020 và các hợp đồng ký các năm trước đang còn hiệu lực, Rà soát tình hình thực hiện ĐTXDCB, tình hình mua sắm, quản lý tài sản.

Bên cạnh đó, BKS cũng thường xuyên trao đổi qua điện thoại, qua email các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, BKS cũng tham gia các hoạt động sau:

- Tham gia rà soát các thủ tục và tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, trao đổi ý kiến về các vấn đề mà HĐQT thảo luận;

- Tham gia xem xét phương án chào hợp tác đầu tư mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

- Trao đổi với bộ phận chuyên môn của Cty và đơn vị kiểm toán độc lập khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán BCTC để cùng thống nhất điều chỉnh nhằm giảm thiểu rủi ro. Tham gia các cuộc họp kết luận kiểm toán độc lập, phối hợp cùng phòng chuyên môn trao đổi, giải trình thêm các vấn đề mà kiểm toán chưa thống nhất để đưa ra kết luận phù hợp. Xem xét Biên bản kiểm toán, thư quản lý của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập trong kỳ.

II- BÁO CÁO THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và các báo cáo quản trị của Công ty, Ban kiểm soát trình ĐH kết quả thẩm tra BCTC 2020 như sau:

1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	KH Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 thông qua	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/ KH Nghị quyết ĐHĐCĐ (%)	Tỷ lệ TH/ TH năm trước (%)
I	Các chỉ tiêu hiện vật						
1	Tinh quặng sắt (60% Fe)	tấn	60.006,54	60.735	60.270,10	99,2%	100%
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ (52 ±1)% Fe.	tấn	108.784,89	153.148	3.898,68	2,5%	4%
3	Bốc xúc vận chuyển thuê ngoài	m ³	798.879	500.000	949.079	189,8%	119%
4	San gạt đất đá	m ³	258.677		75.663		29%
5	Kinh doanh dầu Diesel		1.479.283	8.000.000	4.637.896	58,0%	314%
II	Các chỉ tiêu kinh tế						
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	119.922	147.343	141.268	95,9%	118%
2	Nộp NSNN	Tr. đồng	40.186	62.098	18.888	30,4%	47%
3	LN trước thuế	Tr. đồng	1.074	2.382	-29.073		
5	Quý lương thực hiện	Tr. đồng	13.071	14.753	12.393	84,0%	95%
6	Lao động SD bình quân	người	167	180	145	80,6%	87%
7	Thu nhập bình quân người/ tháng	Tr. đồng	6,52	6,83	7,12	104,24	109,2%
8	Chi trả cổ tức	%	0	5	0	0,0%	
9	Đầu tư XDCB	Tr. đồng	357	8.000	0	0,0%	0%

Nhìn chung, ngoại trừ chỉ tiêu bóc xúc, vận chuyển thuê ngoài đạt 189,9% kế hoạch, năm 2020 Cty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua.

Cụ thể tình hình các lĩnh vực SXKD của Cty như sau:

- Tại mỏ sắt Kíp Tước: Từ quý 3 năm 2020 giá quặng sắt đã phục hồi, Công ty đẩy mạnh sản xuất tinh quặng sắt mỏ sắt Kíp Tước nhưng do dây chuyền nghiền tuyển quặng sắt đã quá cũ nát và thường xuyên hỏng hóc kéo dài. Trong năm 2020 sản xuất được 60.270 tấn tinh quặng sắt, hàm lượng đảm bảo tiêu thụ, đạt 99,23 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

- Tại mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ: Năm 2020, Công ty dừng sản xuất để triển khai Phương án hợp tác đầu tư, khai thác mỏ Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Công tác bóc xúc, vận chuyển, san gạt tại mỏ đồng Tả Phời: Do điều kiện thi công gặp nhiều khó khăn (thiếu máy móc thiết bị, thi công phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, thanh toán chậm...) nên khối lượng thi công đạt rất thấp, công ty bị lỗ khi tham thi công tại mỏ đồng Tả Phời, từ 20/11/2020 Công ty đã chấm dứt thi công tại mỏ đồng Tả Phời.

- Công tác bóc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền: Cty chỉ được thực hiện dịch vụ bóc xúc tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền từ tháng 9/2020, thi công đạt vượt mức kế hoạch đề ra nhưng do Công ty không có máy móc thiết bị mà phải đi thuê ngoài toàn bộ khối lượng nên lợi nhuận từ việc thi công tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền đạt thấp.

- Kinh doanh dầu Diezel: Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần xăng dầu Tự Lực I để cung cấp dầu Diezel cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Việc cung cấp dầu đôi khi bị gián đoạn do cty khó khăn về tài chính nên vướng mắc trong vấn đề thanh toán với bên Cty xăng dầu Tự Lực I. Do vậy, khối lượng cung cấp năm 2020 chỉ đạt 4.637.896 lít, bằng 58 % Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.

2. Tình hình các khoản công nợ phải thu

Công nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2020 là 80.759 trđ, trong đó:

- Công nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2020 là: 49.575 trđ, tăng 10.769 trđ so với đầu năm, trong đó một số khoản lớn như:

STT	Tên khách hàng	Dư đầu kỳ 1/1/2020	Dư cuối kỳ 31/12/2020
1	Cty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam	10.781.719.818	8.398.172.922
2	Cty TNHH SX&TM D/vụ Tuấn Trang	0	6.863.665.008
3	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	0	4.892.368.004
4	Công ty CP khoáng sản và TM Thái Nguyên	0	5.318.666.935
5	Công ty cổ phần Nhãn	1.008.541.574	1.008.541.574
6	Công ty cổ phần Thanh Nhân	207.000.000	207.000.000

STT	Tên khách hàng	Dư đầu kỳ 1/1/2020	Dư cuối kỳ 31/12/2020
7	Công ty Nguyên liệu Viglacera	80.000.000	80.000.000
8	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp GTN Việt Nam	0	13.717.628.576
9	Công ty TNHH TM Hoàng Lan	21.560.976.020	3.785.988.323

Công nợ của 3 đơn vị: Công ty CP Nhân, Cty CP Thanh Nhân, Cty nguyên liệu Viglacera là công nợ đã tồn tại rất lâu, chưa thu hồi được và cũng chưa có hướng xử lý, trong đó có công nợ của Cty CP Thanh Nhân, Cty nguyên liệu Viglacera đã được trích lập dự phòng.

Đối với khoản công nợ của Cty CP công nghệ mỏ và luyện kim VN 8.398 trđ: đây là khoản phải thu về tiền bán tinh quặng sắt phát sinh từ năm 2019, trong năm 2020 chỉ thu hồi được 2.384 trđ do bù trừ công nợ.

Năm 2019, Cty đã xuất bán 35.229,63T tinh quặng sắt cho Cty CP công nghệ mỏ và luyện kim, đơn giá bình quân: 1.030.685 đ/T (chưa bao gồm VAT) theo HĐ 18/2019 ngày 18/2/2019 và HĐ 50/2019 ngày 06/11/2019. Số dư phải thu tại 01/01/2020 là 10.782 trđ. Năm 2020, Cty ký hợp đồng số 67/2020/HĐKT ngày 18/12/2020 mua lại chính sản phẩm đã bán với số lượng 2.009,736 T, đơn giá là: 1.078.182 đ/T (chưa bao gồm VAT). Thực chất, đây là số lượng sản phẩm mà Cty CN mỏ và luyện kim ko lấy hết theo HĐ mua bán đã ký. Số tiền phải trả từ HĐ mua này được bù trừ với số phải thu như đã đề cập ở trên (2.384 trđ)

Đối với khoản nợ phải thu của Cty TNHH Hoàng Lan cụ thể đã nêu tại Báo cáo BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, trong năm 2020 Cty đã thu hồi được 17.775 trđ. Số dư còn phải thu tại 31/12/2020 là 3.786 trđ. Đề nghị Cty tiếp tục đôn đốc, thu hồi công nợ.

- Công nợ phải thu khác 30.535 trđ, trong đó chủ yếu là khoản phải thu Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền 26,628 tỷ đồng. Thực chất đây là khoản phải thu về tiền cung cấp dịch vụ bốc xúc nhưng do tại thời điểm 31/12/2020, 2 bên chưa quyết toán được giá trị thực hiện và chưa xuất hóa đơn nên Cty hạch toán trước doanh thu và ghi nhận là khoản phải thu khác. Nếu tính giá trị đã xuất hóa đơn mà chưa được thanh toán (ghi nhận trên khoản phải khách hàng) thì tổng số dư phải thu CN mỏ tuyển đồng Sin Quyền tại thời điểm 31/12/2020 là 31,520 tỷ đồng. Điều này cho thấy công tác thanh quyết toán dịch vụ bốc xúc rất chậm, đề nghị Cty cần tích cực hơn nữa, theo dõi bám sát tiến độ giải quyết các hồ sơ thanh quyết toán để thu hồi công nợ sớm.

Qua việc kiểm tra đánh giá tình hình công nợ phải thu, BKS thấy rằng:

Việc thực hiện các hợp đồng bán sản phẩm hầu hết các HĐ đã ký, điều khoản thanh toán đều là thanh toán 100% giá trị lô hàng trước khi lấy hàng nhưng thực tế, vẫn tồn tại số dư công nợ phải thu tiền hàng, điều đó cho thấy rằng các bên đã không thực hiện đúng quy định tại HĐ mua bán: Cty xuất hàng, xuất hóa đơn bán hàng trước khi khách hàng thanh toán đủ. Các lô hàng tiếp theo vẫn được giao khi khách hàng chưa thanh toán hết công nợ của lô hàng trước và thực hiện trả trước cho lô hàng tiếp theo. Việc này dẫn đến dư nợ phải thu khách hàng lớn như đã đề cập ở trên, cũng đồng nghĩa với việc vốn bị chiếm dụng nhiều với thời gian dài dẫn đến Cty thiếu

nguồn phục vụ SXKD, thiếu nguồn nộp ngân sách, do vậy, càng phát sinh nhiều khoản phạt chậm nộp, tình hình tài chính Cty càng khó khăn hơn.

- Công nợ tạm ứng: số dư khoảng 3,3 tỷ, chi tiết như sau:

STT	Họ tên	Số dư tại 01/01/2020	Số dư tại 31/12/2020
1	Hoàng Tuấn Anh	315.000.000	315.000.000
2	Hoàng Văn Hiếu	0	5.000.000
3	Mai Văn Thành	465.000.000	585.000.000
4	Nguyễn Mạnh Cường	589.000.000	1.004.000.000
5	Nguyễn Tiến Hưng	0	10.000.000
6	Nguyễn Văn Hải	32.000.000	31.500.000
7	Nguyễn Văn Thanh	263.000.000	293.000.000
8	Nguyễn Văn Vĩnh	36.000.000	26.000.000
9	Phạm Quốc Trung	0	5.000.000
10	Phạm Văn Thúy	0	2.000.000
11	Phạm Đức Cường	0	131.000.000
12	Trần Trung Thành	55.000.000	70.000.000
13	Trần Văn Thông	310.000.000	175.899.823
14	Vũ Công Chung	376.451.556	606.592.756
15	Đỗ Văn Thông	20.000.000	40.000.000

Đây là các khoản tạm ứng của CBCNV để giải quyết các công việc phục vụ SXKD, phục vụ công tác đầu tư của Cty.

BKS kiểm tra chọn mẫu 1 số chứng từ:

Trường hợp tạm ứng cho anh Nguyễn Mạnh Cường mua vật tư: dư đầu năm: 589 trđ, chưa hoàn thiện hồ sơ để hoàn ứng nhưng trong năm tiếp tục phát sinh tạm ứng thêm 425 trđ, số dư tại 31/12/2020 là 1.004 trđ (BB xác nhận công nợ ghi nhận 998 trđ, chênh lệch 6trđ, đề nghị Cty kiểm tra lại và bổ sung BB đối chiếu xác nhận công nợ)

Tương tự trường hợp tạm ứng cho anh Mai Văn Thành, dư đầu năm 465 trđ, chưa hoàn ứng dư cũ, trong năm phát sinh tăng thêm 120 trđ, dư tại 31/12/2020 là 585 trđ. Bên cạnh đó, cũng còn các trường hợp tạm ứng tương tự.

Các khoản tạm ứng này đều có Biên bản xác nhận công nợ, tuy nhiên việc để số dư tạm ứng cho CBCNV với giá trị lớn và trong thời gian dài cho thấy công tạm ứng thực hiện chưa đúng quy định. Đề nghị Cty rà soát lại các khoản tạm ứng, yêu cầu người tạm ứng làm các thủ tục hoàn ứng theo đúng quy định. Đối với người thường xuyên phải tạm ứng phục vụ cho công việc chung của Cty phải có chỉ định bằng VB của GD. Phải thanh toán dứt điểm khoản tạm ứng trước thì mới nhận tạm ứng kỳ sau. Các giấy đề nghị tạm ứng phải ghi rõ thời hạn thanh toán.

Ngoài ra, còn một số khoản tạm ứng cho xí nghiệp, cho CBCNV nhưng Cty đang hạch toán ở các khoản phải thu khác khoảng 170 trđ.

- Dự phòng các khoản phải thu tăng 139 trđ, do tăng tuổi nợ của 2 đối tượng nợ cũ, không tăng đối tượng. Tuy nhiên, qua xem xét các khoản công nợ phải thu của khách hàng thì khoản phải thu Cty CP Nhân (1 tỷ đồng) cũng cần phải được trích lập dự phòng theo quy định.

3. Tình hình quản lý hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho tại 31/12/2020 là 20.100 trđ, giảm 11.279 trđ so với số đầu năm, trong đó:

- Thành phẩm: 17.527 trđ
- Nguyên vật liệu: 2.187 trđ;
- Chi phí SXKD dở dang: 386 trđ.

Trong số thành phẩm tồn kho có 103 trđ là tồn kho sản phẩm Caolin từ lâu vẫn chưa bán hoặc có phương án xử lý.

4. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định trong năm 2020 không có biến động gì, không đầu tư cũng như thanh lý tài sản nào.

Giá trị còn lại của TSCĐ tại thời điểm 31/12/2020 là: 7.194 trđ (TSCĐ hữu hình: 7.030 trđ; TSCĐ vô hình: 163 trđ), giảm 3.380 trđ so với số đầu năm là do thực hiện trích khấu hao trong năm.

Về tài sản trên đất của Cty tại xã Tân Lĩnh, Ba Vì, HN, HĐQT cũng đã có chủ trương và giao cho Giám đốc tổ chức việc đăng ký thông tin tài sản trên đất vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiếp tục xem xét tổ chức bán tài sản trên đất. Đến hiện tại, việc bán tài sản trên đất Ba Vì vẫn chưa thực hiện được.

5. Đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2020, Cty không thực hiện hạng mục đầu tư nào.

Số dư chi phí XDCB dở dang tại thời điểm 31/12/2020 không thay đổi so với số đầu kỳ là: 25.419 trđ, trong đó:

- DA mở sắt Làng Vinh Làng Cọ: 24.348 trđ
- DA mở Cao Lanh: 1.071 trđ

Mỏ Kaolin - Fenspat: Mỏ CaoLin - Fenspat hết hạn giấy phép khai thác từ 15/4/2015, mỏ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 23/01/2017. Công ty đã hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép khai thác đang chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

Dự án khai tuyển quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ hiện đang vướng mắc: DA đã hết thời gian ĐTXDCB nhưng vẫn chưa thực hiện xong các hạng mục, chưa kết thúc đầu tư và quyết toán được DA. Do một số yếu tố khách quan và chủ quan dẫn đến một số thông số về kỹ thuật, công nghệ, thị trường, chi phí đầu tư xây dựng biến đổi, vì vậy, để đảm bảo việc xem xét tính hiệu quả, sự phù hợp về công nghệ, đánh giá lại các chi phí đầu tư, Công ty phải tiến hành điều chỉnh lại dự án. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay của Cty, việc điều chỉnh DA là không khả thi. Chính vì vậy, trong năm 2020, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thương niên năm 2020, Cty tạm dừng SX tại mỏ Làng Vinh Làng Cọ và triển khai xây dựng phương án, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư và SXKD. Cty cũng đã xây dựng được phương án hợp tác, tổ chức mời hợp tác và đã có các nhà đầu tư quan tâm gửi hồ sơ chào hợp tác. Việc lựa chọn đơn vị hợp tác đầu tư cũng đã được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 12/2020, tuy nhiên sau đó, quá trình thương thảo hợp đồng không thành công, phương án hợp tác đầu tư chưa thực hiện được và đến nay vẫn chưa có phương án nào khả thi hơn đối với DA.

6. Đầu tư tài chính dài hạn

- Hiện tại, Cty vẫn còn 1 khoản đầu tư vào Cty CP gang thép Lào Cai, số tiền 26 trđ. Công ty CP gang thép Lào Cai đã dừng đầu tư và đang trong thời gian hoàn thiện các thủ tục để giải thể Cty.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm 31/12/2019 là 13.931 trđ, bao gồm:

- Tiền sử dụng tiền số liệu địa chất mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ: 7.389 trđ.
- Chi phí sửa chữa lớn và CCDC giá trị lớn: 5.354 trđ.
- Các khoản khác: 1.188 trđ.

Chi phí trả trước dài hạn cuối kỳ giảm nhiều so với đầu kỳ, giảm 21.645 trđ chủ yếu do trong kỳ, Cty đã hạch toán toàn bộ số tiền cấp quyền khai thác của Mỏ Làng Vinh, Làng Cọ còn treo từ năm 2015 đến 2019, số tiền 21.607 trđ.

Khoản tiền cấp quyền khai thác của DA Làng Vinh, Làng Cọ từ những năm trước treo lại, Cty dự kiến sẽ đưa vào chi phí của DA khi điều chỉnh DA, tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, việc điều chỉnh DA là không khả thi nên Cty hạch toán chi phí này vào chi phí SXKD của năm 2020. Và đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả SXKD năm 2020 của Cty lỗ 29.073 trđ.

8. Tình hình quản lý nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của Cty là: 147.236 trđ, trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 145.615 trđ, bao gồm các khoản:
 - + Nợ phải trả người bán: 56.802 trđ
 - + Người mua trả tiền trước: 170 trđ
 - + Thuế và các khoản phải nộp NSNN: 75.596 trđ, trong đó lớn nhất là các khoản phụ thu: 38.499 trđ; thuế tài nguyên: 15.974 trđ; Phí bảo vệ môi trường: 9.803 trđ; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 9.522 trđ ...
 - + Phải trả ngắn hạn khác: 7.876 trđ, trong đó có 5.149 trđ là khoản phải trả tiền phạt chậm nộp thuế theo các QĐ Cục thuế tỉnh Lào Cai.
- + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 810 trđ là dư nợ vay dài hạn đến hạn trả của NHTM Sài Gòn- Hà nội- CN Lào Cai. Tính đến 31/12/2020, Cty không còn dư nợ vay cá nhân.
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 339 trđ.

Với tình hình tài chính khó khăn, số nợ NSNN của Cty vẫn tiếp tục tăng và đang ở mức rất cao, dẫn đến việc phát sinh các khoản phạt chậm nộp rất lớn. Trong năm 2020, tổng chi phí truy thu, phạt chậm nộp các khoản phải nộp NSNN là 5.417 trđ. Đồng thời, Cty đã bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, thời hạn 1 năm kể từ ngày QĐ (QĐ 6836 ngày 30/11/2020 của Cục thuế tỉnh Lào Cai). Việc này ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Cty.

- Nợ dài hạn: 1.620 trđ, là khoản vay dài hạn của NHTM CP Sài Gòn – Hà nội- CN Lào Cai.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020 là 8.119 trđ, giảm 29.661 trđ so với số đầu năm do kết quả SXKD năm 2020 lỗ 29.073 trđ

Cty không bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

10. Kết quả sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 141.268 trđ, trong đó: doanh thu khoáng sản: 85.870 trđ; doanh thu dịch vụ: 55.322 trđ; doanh thu tài chính và doanh thu khác: 76 trđ.

Tổng lợi nhuận trước thuế: - 29.073 trđ, trong đó:

- Lợi nhuận khoáng sản: - 22.096 trđ;
- Lợi nhuận dịch vụ: - 1.031 trđ;
- Lợi nhuận khác: - 5.343 trđ
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính - 602 trđ.

Năm 2020, Cty lỗ 29.073 trđ do:

- Hạch toán toàn bộ chi phí tiền cấp quyền khai thác của các năm từ 2015-2019 như đã đề cập ở mục 7-Chi phí trả trước dài hạn cũng như toàn bộ tiền cấp quyền phát sinh của mỏ Làng Vinh, Làng Cọ trong năm 2020.

- Không đạt được các chỉ tiêu về sản lượng SX, dịch vụ bốc xúc không mang lại hiệu quả do máy móc thiết bị đã cũ, Cty phải thuê ngoài.

- Phát sinh các khoản phạt chậm nộp NSNN 5.417 trđ.

11. Công tác lao động tiền lương

Năm 2020, tình hình lao động có nhiều biến động, sản xuất của công ty bị thu hẹp, thiếu việc làm, phải sắp xếp lại lực lượng lao động cho phù hợp. Lao động đầu kỳ 147 người, tăng trong kỳ 11 người (chủ yếu là công nhân kỹ thuật); lao động giảm trong kỳ 29 người; lao động cuối kỳ 129 người (trong đó Văn phòng Công ty 27 người; PX sắt Kíp Tước 84 người; Phân xưởng sắt Võ Lao 14 người; Xí nghiệp 303 04 người).

Trong kỳ giải quyết chế độ hưu trí cho 03 lao động

Lao động bình quân sử dụng năm 2020 là 145 người, tiền lương bình quân đạt 7,12 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã xây dựng mới hệ thống thang bảng lương năm 2020, tiến hành ký lại phụ lục HĐLĐ theo mức lương mới cho người lao động trên cơ sở đó tiến hành trích nộp BHXH theo mức lương mới và thanh toán, giải quyết các chế độ cho người lao động.

Do tình hình SXKD, tài chính khó khăn nên Cty vẫn còn chậm trả lương cho CBCNV. Lương của viên chức quản lý chỉ trả 80%.

Việc trích và đóng BHXH đối với công nhân thuê ngoài có hợp đồng thời vụ từ 01 trở lên đến 03 tháng chưa được thực hiện đầy đủ.

11. Một số hệ số tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1	Hệ số về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0,71	0,73
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,45	0,59
2	Hệ số Nợ/VCSH	Lần	3,23	18,13
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	0,22	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
4	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	0,07	
5	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0,95	0,2

Có thể thấy một số các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Cty phản ánh một bức tranh tài chính không lành mạnh:

Khả năng thanh toán tuy có cải thiện hơn năm trước nhưng vẫn ở mức <1 lần, cho thấy Cty mất khả năng thanh toán, cân đối nguồn ngắn hạn thiếu nguồn khoảng 39,6 tỷ đồng.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu 18,13 lần, lớn gấp 6 lần so với hệ số theo quy định.

Hệ số bảo toàn vốn rất thấp :0,2 lần, Cty không bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

III- ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.

1.Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2020, HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự. HĐQT gồm 5 thành viên:

- Ông Ngô Quốc Trung - Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Cao Khương - Giám đốc Công ty - TV HĐQT
- Ông Cao Anh Hào - TV HĐQT
- Ông Nguyễn Tuấn Vinh - TV HĐQT
- Ông Hoàng Tuấn Anh - TV HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT Cty đã triệu tập, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4/2020, 01 cuộc ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 12/2020; tổ chức 09 phiên họp, ban hành 09 Nghị quyết, quyết nghị một số nội dung cơ bản sau:

- Nghị quyết số 01/2020/NQ – HĐQT ngày 21/02/2020: Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Nghị quyết số 02/2020/NQ – HĐQT ngày 16/04/2019: Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Nghị quyết số 03/2020/NQ – HĐQT ngày 27/04/2020: Thông qua hệ thống thang bảng lương áp dụng trong Công ty.

- Nghị quyết số 04/2020/NQ – HĐQT ngày 10/06/2020: Thông qua báo cáo dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch 6 tháng cuối năm (giao việc cụ thể từng lĩnh vực cho từng thành viên HĐQT và Giám đốc Cty); Thông qua Quy chế quản lý lao động và tiền lương; Thông qua việc bổ nhiệm lại Chánh văn phòng Cty.

- Nghị quyết số 05/2020/NQ – HĐQT ngày 30/07/2020: Thông qua phương án hợp tác đầu tư và SXKD DA đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

- Nghị quyết số 06/2020/NQ – HĐQT ngày 16/11/2020: Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2020.

- Nghị quyết số 07/2020/NQ - HĐQT ngày 16/11/2020: Thông qua các Quy chế: quản lý cán bộ, quản lý công tác vật tư; giao Giám đốc Cty thực hiện một số việc cụ thể về đất trụ sở cũ của Cty tại Tản Lĩnh, Ba Vì-HN, về rà soát các quy chế liên quan đến Luật lao động, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2021.

- Nghị quyết số 08/2020/NQ - HĐQT ngày 23/12/2020: Phê duyệt việc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật, cơ điện, an toàn và môi trường.

- Nghị quyết số 09/2020/NQ - HĐQT ngày 31/12/2020: Giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Cao Khương trực tiếp chỉ đạo và đề xuất giá bán quặng Manhetit cho TCT Khoáng sản; giao nhiệm vụ cho ông Cao Anh Hào trực tiếp chỉ đạo, hoàn thiện hợp đồng hợp tác đầu tư, khai thác mỏ DA ĐTXDCT khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

Hội đồng quản trị luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty, đảm bảo tính nhất quán, linh hoạt trong việc đưa ra các chủ trương. Căn cứ tình hình SXKD thực tế có nhiều biến động, việc làm giảm, HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành để tìm các phương án nhằm duy trì hoạt động của Công ty được liên tục, tìm kiếm việc làm cho người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, bám sát hoạt động của Cty, phù hợp với diễn biến thị trường.

2. Đánh giá đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt của HĐQT, Ban điều hành Công ty đã rất tích cực triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như NQ của HĐQT. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 cũng như trong tình hình tài chính hết sức khó khăn của Cty, Ban điều hành Công ty đã luôn nỗ lực trong công tác điều hành SX, trong việc tìm kiếm nhà đầu tư để hợp tác đầu tư, khai thác mỏ tại mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ nhằm vượt qua các khó khăn trước mắt và đưa ra định hướng phát triển cho Cty trong thời gian tới. Mặc dù kết quả các công việc chưa đạt được như mục tiêu đề ra nhưng cũng không thể phủ nhận những cố gắng của Ban điều hành vì sự tồn tại và phát triển của Cty. Tuy vậy, bên cạnh đó, Ban điều hành cũng cần phải lưu ý về việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế để đảm bảo đúng quy định.

3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết

HĐQT, Ban điều hành Công ty đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như các Nghị quyết của HĐQT trong năm để thực hiện chỉ đạo, điều hành SXKD.

Kết quả việc thực hiện các nội dung chính của các Nghị quyết ĐHĐCĐ như sau:

- Việc xây dựng nâng cao năng lực SX của mỏ Kíp tước và xây dựng đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ sắt Kíp Tước: 2 nội dung này đã được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và được HĐQT ra NQ giao nhiệm vụ cụ thể tại NQ 04/2020 của HĐQT ngày 10/6/2020, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cty chưa có phương án trình HĐQT.

- Việc thu hồi công nợ: Giao GD Cty thành lập tổ thu nợ, lên phương án thu nợ và định kỳ báo cáo HĐQT: Cty đã thành lập tổ thu nợ (QĐ số 68/QĐ-TC ngày 6/7/20) nhưng chưa xây dựng phương án thu nợ và chưa có báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện thu hồi công nợ. (NQ HĐQT số 4/2020/NQ-HĐQT ngày 10/6/2020 có quy định: định kỳ báo cáo HĐQT nhưng chưa ghi rõ định kỳ bao lâu). Công ty đã phát hành các văn bản gửi khách hàng có công nợ tồn đọng để đơn đốc trả nợ và cũng đã thu hồi được công nợ của 1 số khách hàng như: Cty TNHH TM Hoàng Lan, Cty CP CN mỏ và luyện kim VN (chi tiết tại mục 2-Tình hình các khoản công nợ phải thu).

- Thực hiện các giải pháp thu hồi vốn đầu tư, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư, khai thác mỏ báo cáo ĐHĐCĐ bất thường về việc lựa chọn nhà đầu tư, khai thác mỏ nhưng kết quả không thành công.

- Xin cấp phép DA Caolin Fenspat và xây dựng phương án khai thác/hợp tác/chuyển nhượng: ĐTM đã được Bộ tài nguyên thông qua, đang làm các thủ tục để xin cấp phép. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, DA Caolin vẫn chưa được phê duyệt cấp phép khai thác.

- Việc thực hiện mua bán tinh quặng sắt Manhetit với Tổng công ty khoáng sản (theo NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2020): đã thực hiện ký hợp đồng xong.

- Việc bán tài sản trên đất Cty tại xã Tản Lĩnh, Ba Vì: Sau lần tổ chức chào bán không thành công đến nay Cty chưa tổ chức chào bán lại. Cty cũng chưa có báo cáo về việc làm các thủ tục gắn tên các tài sản trên đất với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (NQ 07 của HĐQT)

4. Đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

Những vấn đề mà Ban kiểm soát đã kiến nghị tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 cũng như những đề xuất tại các cuộc làm việc của Ban đã được HĐQT, Ban điều hành quan tâm xem xét và các phòng chức năng thực hiện.

Đánh giá chung: Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế và những khó khăn riêng mà Cty CP Khoáng sản 3 phải đối mặt trong năm 2020, HĐQT và BĐH đã hết sức nỗ lực, cố gắng vì sự tồn tại, phát triển của Cty.

HĐQT và Ban điều hành Công ty cũng có sự phối kết hợp tốt với Ban kiểm soát, cung cấp các thông tin, tài liệu đầy đủ trong quá trình BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

Các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, các quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty và các Quy chế hoạt động.

Trong năm 2020, BKS không nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo nào về hoạt động của HĐQT cũng như Ban điều hành Cty.

Ban kiểm soát nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán trình ĐH.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT .

1. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

-Hợp phân công lại nhiệm vụ các thành viên BKS sau khi ĐHCĐ thường niên thông qua việc bầu cử thành viên BKS mới và quy chế hoạt động mới của BKS.

-Duy trì hoạt động thường kỳ của Ban kiểm soát (họp tối thiểu 2 lần một năm) theo Quy chế hoạt động của Ban.

-Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty, giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Tổ chức kiểm tra, xem xét khi có bất cứ thông tin về các tiêu cực, sai phạm trong quản lý, điều hành của Công ty.

-Kiểm tra thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý. Xem xét kết quả kiểm toán của Tổ chức kiểm toán độc lập, từ đó có những đề xuất, kiến nghị phù hợp.

-Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2021 cụ thể và thông báo cho Công ty.

2. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Căn cứ kết quả thẩm tra BCTC và hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, BKS xin kiến nghị với Công ty một số vấn đề sau:

* Việc thực hiện các hợp đồng kinh tế mua, bán:

Đối với các hợp đồng mua sắm, thuê ngoài: đề nghị cty rà soát, bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ còn thiếu, sai sót, sắp xếp và lưu theo đúng trình tự, quy trình tổ chức thực hiện

Đối với Hợp đồng bán: Việc tiêu thụ sản phẩm nên ban hành giá sàn và tổ chức đấu giá theo quy định nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công khai, minh bạch và có giá bán tốt nhất. Hạn chế tối đa việc bán hàng trực tiếp cho khách hàng. Rà soát tình hình thực hiện các hợp đồng đã ký, đảm bảo việc thực hiện đúng các quy định trong Hợp đồng, mọi thay đổi của Hợp đồng phải được 2 bên thống nhất và ký Phụ lục, Phụ lục là 1 bộ phận không tách rời và phải được lưu kèm Hợp đồng.

* Đối với tình hình quản lý công nợ phải thu :

Rà soát lại toàn bộ các khoản công nợ phải thu, phân loại nợ, lập kế hoạch thu nợ cụ thể, đôn đốc thu hồi công nợ đối với các khoản công nợ đến và quá hạn, định kỳ hàng quý lập báo cáo về tình hình quản lý, thu hồi công nợ báo cáo HĐQT

Các khoản phải thu khó đòi cần được theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

Các khoản nợ khó đòi đã phát sinh từ rất lâu, hiện tại đã trích lập dự phòng, nếu xác định không thể đòi được thì Cty nên xem xét đến phương án xử lý nợ.

* Đối với Hàng tồn kho: Đối với lượng Caolin tồn kho từ nhiều năm, giá trị ghi sổ 103 trđ, Cty nên đánh giá lại giá trị và có phương án bán thanh lý.

* Việc ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ:

Hiện nay, Cty chưa có quy chế quản lý chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định cụ thể các điều kiện và thủ tục tạm ứng, hoàn ứng và các vấn đề chi tiêu, thanh quyết

toán nội bộ khác. Đề nghị Cty ban hành quy chế này để đảm các khoản chi tiêu nội bộ theo đúng quy định và có căn cứ thực hiện thống nhất từ phòng ban đến phân xưởng.

Đồng thời rà soát lại các quy định, quy chế quản lý nội bộ khác để sửa đổi bổ sung (nếu cần) cho phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Cty sẽ được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

* Tiếp tục thực hiện các nội dung mà Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua mà chưa hoàn thành như: Tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương án cụ thể đối với DA Làng Vinh, Làng Cọ; tổ chức chào bán tài sản trên đất Ba Vì; Bám sát các cơ quan Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ cấp phép cho DA Caolin Fenspat và trên cơ sở đó xây dựng phương án khai thác/hợp tác/chuyển nhượng.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Ngọc Linh

Số : 107/TTTr - HĐQT

Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương viên chức quản lý

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;
Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.*

Căn cứ Quy chế tài chính của Công ty ban hành kèm theo quyết định số 50/QĐ-KS3 ngày 28/03/2017 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và lương viên chức quản lý, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2020

- Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được HĐQT Công ty công bố trên Website của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020.

HĐQT xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:

- LN trước thuế TNDN : (29.072.769.448) đồng;
- LN sau thuế TNDN : (29.577.732.301) đồng;
- Trích lập các quỹ : 0 đồng;
- Chi trả cổ tức : 0 đồng ;

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, có năng lực kinh nghiệm kiểm toán, có chi phí kiểm toán phù hợp theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

4. Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và lương viên chức quản lý

4.1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương viên chức quản lý năm 2020.

Năm 2020, Công ty không đạt được các chỉ tiêu về khối lượng, doanh thu, lợi nhuận... do Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra, mặt khác tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn Hội đồng quản trị Công ty thống nhất dự kiến như sau:

- Không chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020, cụ thể như sau:

Chức danh	Mức thù lao theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (đ/tháng)	Mức thù lao chi trả thực tế		Tổng số thù lao chi trả thực tế
		Số lượng	Mức thù lao (đ/người/tháng)	
Chủ tịch HĐQT	2.400.000	01	0	0
Thành viên HĐQT	2.100.000	04	0	0
Trưởng BKS	2.100.000	01	0	0
Thành viên BKS	1.900.000	02	0	0
Tổng cộng				0

- Chi trả lương viên chức quản lý (3 người): 627.273.600 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm hai bảy triệu, hai trăm bảy ba nghìn, sáu trăm đồng)



4.2. Dự kiến mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương viên chức quản lý năm 2021

- Căn cứ theo Điều 6, Khoản 5, Nghị định số 53/2016/NĐ - CP quy định “Quỹ thù lao của người quản lý công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý chuyên trách”. Đối chiếu với quy định và kết hợp với tình hình SXKD năm 2021 của Công ty gặp nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất dự kiến mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021 thực hiện từ 01/01/2021, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Mức lương (đ/ tháng)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền phụ cấp (đ/tháng)	Tiền phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	01	10	2.400.000	28.800.000
2	Ủy viên HĐQT	21.000.000	04	10	2.100.000	100.800.000
3	Trưởng BKS	21.000.000	01	10	2.100.000	25.200.000
4	Ủy viên BKS	19.000.000	02	10	1.900.000	45.600.000
	Cộng					200.400.000

(Bảng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

- Lương viên chức quản lý (3 người): **784.092.000** đồng.

(Bảng chữ: Bảy trăm tám tư triệu, không trăm chín hai nghìn đồng)

Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương viên chức quản lý trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT, BKS và viên chức quản lý sẽ được xác định dựa vào Kết quả SXKD của Công ty năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quốc Trung

Số: 108/TTr – HĐQT

Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico,

Nhằm sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico với nội dung như sau:

1. Về kết cấu:

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung sẽ gồm 22 Chương, 63 Điều.
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung sẽ gồm 07 Chương, 21 Điều.

2. Nội dung dự thảo bổ sung, sửa đổi chỉ thực hiện đối với một số Chương, Điều, Khoản, kết cấu, nội dung và từ ngữ cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020; các nội dung khác không đề cập đến được hiểu là giữ nguyên như Điều lệ hiện tại.



- Nội dung các điều khoản được sửa đổi, bổ sung đính kèm theo Tờ trình này và được đăng tải trên Website của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quốc Trung





**SO SÁNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

STT	Điều lệ hiện tại		Điều lệ sửa đổi, bổ sung		Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều	Nội dung	Điều	Nội dung	
1	Điểm g Khoản 1 Điều 1	g) “Người quản lý Công ty” có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.	Điểm i Khoản 1 Điều 1	i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty	Khoản 22 Điều 4 Luật DN, Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
2	Khoản 2 Điều 10	2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành	Điều 11	Bỏ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
3	Khoản 1 Điều 11	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty	Điều 12	Bỏ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

4	<p>Điểm a, b Khoản 2 Điều 11</p>	<p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điểm a, b Khoản 1 Điều 12</p>	<p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>
5	<p>Không có</p>		<p>Điểm i, k, l Khoản 1 Điều 12</p>	<p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông. k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020</p>

				1) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp. m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.			
6	Khoản 3 Điều 11	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	Khoản 2 Điều 12	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Khoản 2 Điều 115 Luật DN		
7	Điểm d Khoản 3 Điều 11	d) Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát	Điểm b Khoản 2 Điều 12	b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty	Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020		
8	Điểm c Khoản 3 Điều 11	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là	Điểm c Khoản 2 Điều 12	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc	Điểm c Khoản 2 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020		

		<p>cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra</p>		<p>số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
9		Không có	Điểm d Khoản 2 Điều 12	<p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
10	Điểm a Khoản 3 Điều 12	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 5 Điều 24, Khoản 5 Điều 32 Điều lệ này;</p>	Khoản 3 Điều 12	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước</p>	Khoản 5 Điều 115 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

11	Khoản 5 Điều 12	5. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.	Khoản 2 Điều 13	<p>khí khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	Khoản 3 Điều 144 Luật DN; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
				<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	

12		Không có	Khoản 5 Điều 13	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119 Luật DN
13	Khoản 1, Khoản 2 Điều 13	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh (hoặc cấp có thẩm quyền) có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính...</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định</p>	Khoản 1, Khoản 2 Điều 14	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa</p>	Khoản 1, 2 Điều 139 Luật DN; Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

14	Điểm b, c Khoản 3 Điều 13	<p>những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p>		<p>điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	
	Khoản 3 Điều 14	<p>b) việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy; c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ một nửa (1/2) trở lên so với số đầu kỳ</p>	Bỏ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	

15	Điểm e Khoản 3 Điều 13	e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Điểm d Khoản 3 Điều 14	d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
16	Khoản 1 Điều 14	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:	Khoản 1 Điều 15	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	Sửa đổi và bổ sung theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
17	Khoản 2 Điều 14	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định, nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:	Khoản 2 Điều 15	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

18	Không có		Điểm r, Điểm s Khoản 2 Điều 15	r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
19	Điểm p Khoản 2 Điều 14	p) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điểm q Khoản 2 Điều 15	q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Bổ sung theo Điểm b Khoản 3 Điều 167 Luật DN
20	Khoản 1 Điều 16	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp	Khoản 1 Điều 17	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên	Khoản 6 Điều 148 Luật DN

		thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.		của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
21	Không có		Khoản 1 Điều 18	1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	Thông tư 96/2020/TT-BTC; Điều lệ mẫu
22	Điểm a Khoản 2	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có	Điểm a Khoản 3	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có	Khoản 1 Điều 141 Luật DN 2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

23	Điều 17 Khoản 3 Điều 17	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Điều 18	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020
24	Điều b Khoản 5 Điều 17	3. ...Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...	Khoản 4 Điều 18	4. ...Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
25	Khoản 1 Điều 18	b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên	Điểm b Khoản 5 Điều 18	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
26	Khoản 3 Điều 19	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	Khoản 1 Điều 19	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 2 Điều 146 Luật DN
26	Khoản 3 Điều 19	3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng	Khoản 2 Điều 20	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại	Khoản 2 Điều 146 Luật DN

	<p>quản trị làm Chủ tọa, trưởng hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trưởng hợp không ai trong số họ có thể làm Chủ tọa đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội;</p> <p>d) Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		<p>hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trưởng hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trưởng hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa, Trưởng ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>
--	--	--	--

27	Khoản 12 Điều 19	<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>13. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Khoản 10 Điều 20	<p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
28	Không có		Khoản 7 Điều 21	<p>7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 148 Luật DN
29	Khoản 1 Điều 21	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi</p>	Khoản 1 Điều 22	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của</p>	Khoản 4 Điều 148 Luật DN

		<p>ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 20 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông nắm giữ ít nhất 51% số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>		<p>Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết thành.</p>	
30	Khoản 2 Điều 21	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.</p>	Khoản 2 Điều 22	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.</p>	Khoản 2 Điều 149 Luật DN

31	Điểm h Khoản 3 Điều 21	h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điểm g Khoản 3 Điều 22	g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điểm g Khoản 3 Điều 149 Luật DN
32	Điểm e, f Khoản 5 Điều 21	e) Các vấn đề đã được thông qua f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu	Điểm đ, e Khoản 5 Điều 22	đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng. e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	Khoản 5 Điều 149 Luật DN
33	Không có	Khoản 1 Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên	Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 247 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC	

34	Khoản 5 Điều 24	5. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 2 Điều 25	Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: 2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
35		Không có	Khoản 2 Điều 26	Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Khoản 2 Điều 154 Luật DN
36	Khoản 1 Điều 24	1. ...Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành độc lập được xác định theo phương thức	Khoản 4 Điều 26	4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: a) Đối với Công ty khi chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	

				<p>b) Đối với Công ty khi niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.</p>	
37	Không có	làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	Điểm a Khoản 4 Điều 27	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có).</p>	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
38	Không có		Khoản 6 Điều 28	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
39	Không có		Khoản 4 Điều 28	<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực</p>	Khoản 4 Điều 156 Luật DN

				<p>hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
40	Điểm c Khoản 3 Điều 28	c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.	Điểm c Khoản 3 Điều 30	c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.	
41	Khoản 7 Điều 28	7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời gửi các thành viên	Điểm a Khoản 7 Điều 30	7. Thông báo và chương trình họp. a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ	

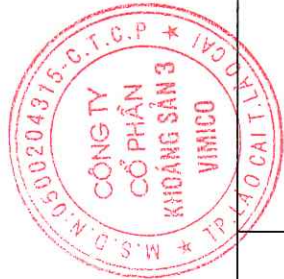
42		Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT;...	Không có	Điểm đ Khoản 9 Điều 30	chức hợp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT...	Khoản 7 Điều 157 Luật DN
43	Điều 30	Điều 30. Cán bộ quản lý	Điều 34	Điều 34. Người điều hành Công ty	đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
44	Điều 30	Không có		Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (kiểm soát viên) 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020	

45	Khoản 4 Điều 33	4. ... Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty,...	Khoản 1 Điều 38	sau đây: ... Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Khoản 2 Điều 168 Luật DN 2020; Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
46	Khoản 5 Điều 33	5. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 2 Điều 36	2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.	

47	Không có	Điểm m Khoản 1 Điều 39	m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều 46. Quan hệ phối hợp giữa Công ty đối với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020
48	Không có	Điều 46		
49	Không có	Khoản 5, 6, 7 Điều 50	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HDQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ	Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020

				<p>đồng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
50	Khoản 2 Điều 49	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 2 Điều 57	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
51	Không có		Khoản 1 Điều 58	<p>Điều 58. Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	
52	Sửa đổi các Điều, khoản dẫn chiếu tới các văn bản pháp lý liên quan trong Điều lệ				

**SO SÁNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**



STT	Quy chế hiện tại		Quy chế sửa đổi, bổ sung		Lý do sửa đổi, bổ sung
	Điều	Nội dung	Điều	Nội dung	
1	Điều 1	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh ...Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành khác của Công ty...	Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.	Quy chế mẫu được ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
2	Khoản 2.2 Điều 2	2.2. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ		Bỏ	Nghị định 155/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 71/2017/NĐ-CP không còn quy định

		đồng và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:				
3	Điểm b Khoản 1 Điều 2	c. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; “18. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.”	Điểm b Khoản 1 Điều 2	“Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; “24. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.”	Sửa theo Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	
4	Khoản 2.3 Điều 2	2.3. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định trong Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán	Điểm f Khoản 1 Điều 2	f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	Sửa theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	
5	Điều 3	Điều 3. Quyền của cổ đông	Điều 3	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Quy chế mẫu được ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC	

6		Không có	Điểm b Khoản 3 Điều 4	b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là tám (08) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời thực hiện công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đăng website Công ty theo quy định.	Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quy định về 08 ngày làm việc
7	Khoản 4.2 Điều 4	4.2. ...Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)....	Điểm b Khoản 4 Điều 4	4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)....	Sửa theo khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp, Quy chế mẫu
8		Không có	Điểm d Khoản 7 Điều 4	7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: d. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một	Sửa theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp

9	Khoản 4.8 Điều 4	...Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.	Điểm a Khoản 15 Điều 4	<p>(01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trưởng hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	Sửa theo Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật DN
10	Khoản 4.10 Điều 4	4.10.HDQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ	Điểm a Khoản 2 Điều 5	<p>a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22</p>	

		Công ty.		Điều lệ Công ty.	
11	Khoản 4.10 Điều 4	4.10. ... Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận	Điểm g Khoản 2 Điều 5	g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 4 Điều 148 Luật DN
12		Không có	Khoản 4 Điều 8	4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:	Quy chế mẫu, Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020
13	Mục 5.1.2 Khoản 5.1 Điều 5	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 3 Điều 9	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
14	Khoản	5.3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên	Khoản 5	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và	Sửa nội dung theo Điều

15	5.3 Điều 5	HDQT ...	Điều 9	<p>bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>...</p> <p>4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>160 Luật DN</p> <p>Quy chế mẫu, Khoản 7 Điều 157 Luật DN</p>
16		<p>CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</p> <p>CHƯƠNG VIII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</p>		<p>CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC</p> <p>CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</p>	<p>Quy chế mẫu</p>
17		Không có	<p>Điều 4, Điều 8, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15</p>	<p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>1. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Bổ sung theo Quy chế mẫu</p>

			<p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:</p> <p>5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>8. Điều kiện tiến hành:</p> <p>9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 10. Thủ tục và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các</p>	
--	--	--	---	--

Số: 109/TTr – HDQT

Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Quy chế mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm theo Tờ trình này và được đăng tải trên Website của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS, BGD;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HDQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quốc Trung

Số: **110**/TTr - HĐQT

Lào Cai, ngày **23** tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018-2023)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ - VIMICO ngày 18/03/2021 của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị ngày 22/03/2021 của Ông Nguyễn Tuấn Vinh,

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, để đảm bảo sự cần thiết của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác quản trị hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những nội dung sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Ngày 18/03/2021, Tổng Công ty Khoáng sản - TKV đã ban hành Quyết định số 264/QĐ-VIMICO về việc thay đổi Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, trong đó:

+ Thay đổi người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị đối với Ông Ngô Quốc Trung và tham gia Ban kiểm soát đối với Bà Phạm Thị Ngọc Linh.

+ Thời gian thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

- Ngày 22/03/2021 Ông Nguyễn Tuấn Vinh đã có Đơn đề nghị xin thôi giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị gửi tới Hội đồng quản trị của Công ty.

- Theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua việc:

+ Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Ngô Quốc Trung;

+ Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Tuấn Vinh;

+ Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Phạm Thị Ngọc Linh;

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là: 2018-2023.

- Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Để đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua:

+ Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là: 02 người.

+ Số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát là: 01 người.

3. Về tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị:

Ứng cử viên phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên HĐQT quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

- Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) Công ty khác.

4. Về tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, đề cử để bầu vào Ban kiểm soát:

Ứng cử viên phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

5. Điều kiện đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 3 (2018-2023)

5.1. Điều kiện đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên.

b. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5.2. Điều kiện đề cử thành viên Ban kiểm soát.

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ ứng cử viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

6.1. Danh mục hồ sơ đề cử, ứng cử gồm có:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử (theo mẫu);

- Bản kê khai lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu có dán ảnh);

- Bản kê khai người có liên quan (theo mẫu);

- Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Chứng minh nhân dân (hoặc Thẻ Căn cước công dân/ Hộ chiếu);

- Bản sao công chứng các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của ứng cử viên (nếu có);

- Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Tờ trình này (nếu có).

Lưu ý:

- Văn bản trong hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Văn bản lập ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch sang tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được Cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Người ứng cử, được đề cử bầu bổ sung tham gia thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của tài liệu, thông tin cung cấp.

6.2. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6.3. Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018-2023)

6.4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử được gửi đến địa chỉ:

- Địa chỉ: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Thông tin liên hệ: Ông Mai Văn Thành - Thư ký Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

- Điện thoại: 0916468800

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.

- Đối với các trường hợp đề cử, ứng cử trực tiếp tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử, đề cử phải cung cấp ngay, đầy đủ hồ sơ ứng cử, đề cử như Mục 6.1 nêu trên cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét đưa vào danh sách ứng cử viên trước khi Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 3 (2018-2023)

6.5. Chỉ những hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử, đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới được đưa vào danh sách ứng cử viên.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quốc Trung

Số: 111 / HĐQT – KS3

Lào Cai, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên
HĐQT, BKS Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 3 (2018-2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;
- Hướng dẫn về việc ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018-2023) của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã nhận được (các) Đơn ứng cử/ đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 3 (2018-2023) và xin thông báo Đại hội đồng cổ đông danh sách như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Cổ phần nắm giữ/ đại diện	Vị trí đề cử
1	Bùi Tiến Hải	013327645	785.000	Thành viên HĐQT
2	Đông Quang Huy	036082000213	437.800	Thành viên HĐQT
3	Lê Thanh Tùng	019088000251	0	Thành viên BKS

(*) Đính kèm: Lý lịch ứng cử viên.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, các ứng cử viên nêu trên đã đủ điều kiện để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhiệm kỳ 3 (2018-2023)

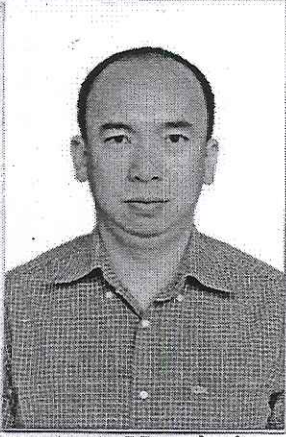
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời đề nghị Quý vị nghiên cứu Quy chế bầu cử, thông tin lý lịch của các ứng cử viên để tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (website);
- TV HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : **BUI TIEN HAI**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 16/03/1976
4. Nơi sinh : Xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 1205, Tòa 17T3, chung cư Hapulico, Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân: 013327645, Nơi cấp: Công an Hà Nội, Ngày cấp: 18/09/2012
8. Điện thoại liên hệ: 0904235499
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tuyển khoáng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Không
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2009 đến 03/2011	Tổng Công ty khoáng sản - Vinacomin	Phó Trưởng phòng Tuyển khoáng
Từ 04/2011 đến 12/2013	Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim Cao Bằng	Phó Giám đốc
Từ 01/2014 đến 05/2014	Tổng Công ty khoáng sản - Vinacomin	Phó Trưởng phòng Tuyển khoáng
Từ 06/2014 đến 5/2019	Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Từ 5/2019 đến nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Phó Tổng Giám đốc; Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD từ 4/2020

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:

Sở hữu	Số lượng	Tỷ lệ năm giữ
Sở hữu cá nhân	0	0
Sở hữu đại diện (<i>đại diện cho tổ chức khác</i>)		
<i>Trong đó, sở hữu của những người liên quan: Không có</i>		

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:

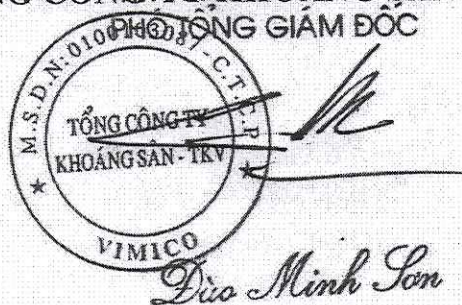
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Xác nhận

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV



Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

A large, stylized handwritten signature in black ink, which appears to be "Bui Tien Hai".

Bùi Tiên Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Lê Thanh Tùng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 14 tháng 10 năm 1988
4. Nơi sinh: Thái Nguyên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 26 Tổ 26 tập thể công ty kim loại màu, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
7. Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 28 ngõ 77 Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
8. Số CMND/CCCD: 019088000251, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Ngày cấp: 09/05/2019
9. Số điện thoại: 0916.616.617
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Không
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên P. Tài chính – kế toán
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ T11/2015 đến T06/2016	Cán sự	PX. Axit – Chi nhánh luyện đồng Lào Cai - Vimico
Từ T07/2016 đến T07/2018	Chuyên viên	P. TCKT – Chi nhánh luyện đồng, Lào Cai - Vimico
Từ tháng 08/2018 đến nay	Chuyên viên	P. TCKT – Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
15. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty: Không
 - Sở hữu cá nhân: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện:

- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

Họ và tên	Số CMND/HC /GCNĐKD N	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)

- 16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- 18. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Xác nhận của Tổng công ty Hà Nội, ngày tháng năm 2021

(ký xác nhận và đóng dấu) *Lo*

TỔNG GIÁM ĐỐC



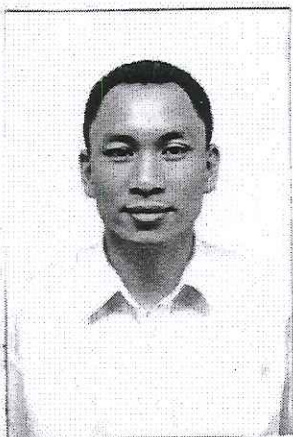
Trần Văn Huệ

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

L. T.

Lê Thanh Tùng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: ĐÔNG QUANG HUY
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 21/09/1982
4. Nơi sinh: Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ hiện tại: 24 – D6 – NV4 Khu đô thị hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
7. Số CMND/CCCD: 036082000213 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư, Ngày cấp: 04/09/2014
8. Số điện thoại: 0983336996
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Không
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần CBK Holdings Việt Nam
 - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xuất nhập khẩu HDH
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ tại Đơn vị
2008 -2010	CTCP Chứng khoán NHCT Việt Nam	Nhân viên phòng Tự doanh & BLPH
10/2010 – 06/2011	CTCP Chứng khoán NHCT Việt Nam	Nhân viên Phòng Môi giới & Lưu ký
06/2011 – 10/2011	CTCP Chứng khoán Phương Nam	Phó phòng Môi giới Chi nhánh Hà Nội
10/2011 – 2019	CTCP Tập đoàn Công nghiệp Tây Giang	Chuyên viên ban đầu tư Trưởng ban đầu tư

2019 - nay	CTCP CBK Holdings Việt Nam	Tổng giám đốc
------------	-------------------------------	---------------

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
15. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện của tổ chức/cá nhân khác: không
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Đông Quang Mạnh	Bố đẻ	0	0%
2	Trần Thị Trâm	Mẹ đẻ	0	0%
3	Vũ Trọng Thứ	Bố vợ	0	0%
4	Bùi Thị Lệ Bảnh	Mẹ vợ	0	0%
5	Vũ Thị Phương Dung	Vợ	0	0%
6	Đông Quang Tùng	Con đẻ	0	0%
7	Đông Minh Trang	Con đẻ	0	0%
8	Đông Văn Quang	Anh ruột	0	0%
9	Đông Quang Thuận	Anh ruột	0	0%
10	Đông Quang Bình	Anh ruột	0	0%
11	Phạm Thị Tươi	Chị dâu	0	0%
12	Nguyễn Thị Hồng Châm	Chị dâu	0	0%
13	Nguyễn Thị Hiếu	Chị dâu	0	0%
14	Vũ Thái Hòa	Em ruột của vợ	0	0%

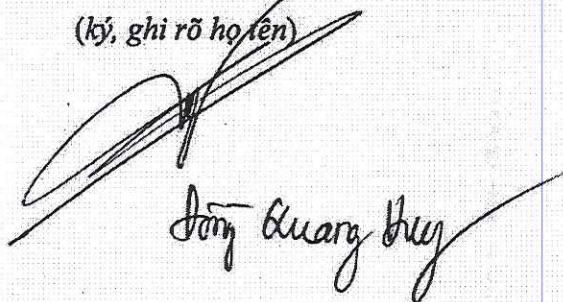
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không.
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước Công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2021

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)



Đặng Quang Huy



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV -CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

*(ĐƯỢC SỬA ĐỔI LẦN THỨ SÁU VÀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
HỌP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2021)*



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico (dưới đây gọi là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 550/QĐ – BCN ngày 13 tháng 02 năm 2007 của Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công thương trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản 3.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HĐQT”.

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

d) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

đ) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

e) "Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

g) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

h) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

i) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

k) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.

m) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

n) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

o) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán.

p) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

q) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

r) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

s) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II:

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Minerals Joint Stock Company No 3 – Vimico.
 - Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.
 - Tên Công ty viết tắt: Mico3.
2. Công ty có biểu tượng riêng.
3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
4. Công ty là công ty con của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO) chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tổng công ty hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “VIMICO” của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP và quy định của pháp luật.
- Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy chế quản lý trong nội bộ Tổng công ty mà Công ty là một thành viên.
6. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
 - Điện thoại : 02143.821.292
 - Fax : 02143.824.804
 - E-mail : khoangsan3lc@gmail.com
 - Website : khoangsan3.com.vn
7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Chương III:

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

ST T	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng sắt	0710
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa. - Bán buôn, xuất nhập khẩu khí dầu mỏ, khí Butan và Propan đã hóa lỏng. - Bán buôn, xuất nhập khẩu xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa. - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.	4661
3	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
4	Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác các loại khoáng sản, thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác mỏ, chế biến và tuyển luyện khoáng sản. Lập dự án, tư vấn đầu tư, thi công các công trình địa chất. Khai thác mỏ, các công trình tuyển luyện, chế biến khoáng sản, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây lắp điện dân dụng, điện công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Thăm dò, khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản.	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Ba mươi năm tỷ đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

(ii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

(iii) Chào bán cổ phần ra công chúng.

- Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

đ) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật doanh nghiệp và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

h) Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, do là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, do đó Công ty cổ phần không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập theo quy định tại

Khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của cổ đông được nêu tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- Tổng số cổ phần đã bán từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.

- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo quy định của luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác.

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác.

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Chương V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được giao.

**Chương VI:
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG**

Điều 12. Quyền của cổ đồng

1. Cổ đồng phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đồng trong Công ty.

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đồng có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đồng.

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đồng sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đồng thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đồng.

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đồng, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của

tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm

soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

- e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện.

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền.

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

c) Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột

của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ

tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

c) Chuẩn bị các tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

c) Phiếu biểu quyết;

d) Hướng dẫn chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 của Điều này, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai

mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 5 Điều này.
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 6 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và

không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại.

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động được quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi

phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8, Điều 21 Điều lệ này.

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b) Trình độ chuyên môn.
- c) Quá trình công tác.
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác).
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- g) Khi Công ty là công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng

cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đối với Công ty khi chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Đối với Công ty khi niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

c) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.

đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó.

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó.

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.

h) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có).

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty.

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này.

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi.

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc huỷ bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện

pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp

HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nêu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 6 Điều 44 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội

đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thính

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật.
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- d) Tham dự các cuộc họp.
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VIII: GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và Phó Giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn.

a) Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác.

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua).

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty.

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT.

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm.

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát.

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Miễn nhiệm.

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, uỷ nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho Phó Giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó.

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

**Chương IX:
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b) Trình độ học vấn.
- c) Trình độ chuyên môn.
- d) Quá trình công tác.
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác.
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty.
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận.

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó.

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát.

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Thay mặt ban kiểm soát trả lời các chất vấn của cổ đông tại ĐHĐCĐ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

e) Thay mặt Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp HĐQT.

g) Ủy quyền cho thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nội dung trên trong trường hợp vì lý do khách quan Trường ban không thể thực hiện.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi

nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty.

m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

n) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

o) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

p) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

q) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

r) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, điện thoại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, trang thiết bị cần thiết khác và các chi phí phát sinh với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến các hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định nội bộ của Công ty.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Chương XI:

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho

Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tổng công ty hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được

sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XII:

**QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÔNG TY VỚI
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

Điều 46. Quan hệ phối hợp giữa Công ty đối với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

1. Công ty là Công ty con của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (gọi tắt là VIMICO) có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp thành viên trong VIMICO; được VIMICO giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với VIMICO; được VIMICO cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của VIMICO

theo thỏa thuận với VIMICO và các doanh nghiệp thành viên trong VIMICO và quy định pháp luật có liên quan.

2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của VIMICO là Công ty mẹ - Công ty có tham gia; các hợp đồng kinh tế với VIMICO và doanh nghiệp thành viên trong VIMICO; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của VIMICO với tư cách là Công ty mẹ thực hiện quyền chi phối đối với Công ty mẹ- Công ty theo quy định; Chấp hành các quy chế quản lý nội bộ của VIMICO.

3. VIMICO với tư cách là cổ đông góp vốn, thực hiện vai trò, chức năng nhiệm vụ, các quyền và trách nhiệm trong quản lý phần vốn của VIMICO góp tại Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của VIMICO.

Chương XIII: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Chương XIV:
NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC
CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

Điều 48. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

**Chương XV:
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức.

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 50. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XVI:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ TÀI KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm.

Điều 53. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**Chương XVII:
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ
THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 54. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 56. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Chương XVIII:
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 57. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho

năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XIX: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 58. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XX: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 59. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý.
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
- d) Các khoản vay (nếu có).
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty.
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XXI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác.

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XXII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những

quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 63. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương và 63 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Lào Cai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Bùi Tiến Hải

Cao Anh Hào

Hoàng Tuấn Anh

Đông Quang Huy

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Thành viên HĐQT - Giám đốc

Nguyễn Cao Khương



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

**(ĐƯỢC SỬA ĐỔI LẦN THỨ NHẤT VÀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
HỌP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2021)**



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	13
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	15
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	16
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐ quản trị.....	19
Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	23
Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).....	27
Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	27
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	29
CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC	32
Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	32
Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.....	33
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	35
Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.....	35

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	40
Điều 20. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	41
CHƯƠNG VII: NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 21. Hiệu lực thi hành.....	41

D
NG
P
N
VIN
C

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.

4. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

b. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

c. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

d. “Người điều hành khác” là các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm như Trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ, quản đốc, đội trưởng, đội phó các đội sản xuất,...

e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

g. Các thuật ngữ khác chưa được giải nghĩa tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Thông qua việc cử người đại diện theo pháp luật;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao

dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là tám (08) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời thực hiện công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đăng website Công ty theo quy định.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điểm b Khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

c. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

d. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

8. Điều kiện tiến hành:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, một phiếu bầu cử (nếu có phát sinh) và/hoặc một phiếu biểu quyết được in và đóng dấu treo của Công ty; trên đó ghi rõ số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được tiến hành theo thể lệ bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bỏ phiếu vào thùng phiếu tại Đại hội.

11. Cách thức kiểm phiếu:

a. Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo Chủ tọa về kết quả, Chủ tọa/ Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua

lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

c. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ quy định tại Khoản 9 Điều 4 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc các hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc các hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi một (21) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành;
- đ. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

l. Quy chế tổ chức Đại hội này có thể được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp từng lần Đại hội theo quyết định của Hội đồng quản trị theo từng thời điểm.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc các hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc các hình thức tương đương khác, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi một (21) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Điều kiện tiến hành;
- đ. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Cách thức bỏ phiếu;
- g. Cách thức kiểm phiếu;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

l. Quy chế tổ chức Đại hội này có thể được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp từng lần Đại hội theo quyết định của Hội đồng quản trị theo từng thời điểm.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

1. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- Có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
- Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

d. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ ứng viên.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều này.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trừ trường hợp quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ đông theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ của Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

b. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng cử viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng cử viên nhằm đảm bảo các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng cử viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng cử viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Điểm b Khoản 7 Điều này;
- Ứng cử viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng cử viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Đề nghị quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên dự họp.
 - b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

c. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

d. Theo quy định tại Điểm e Khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

e. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 44 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết

này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này.

b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này (trừ nội dung “Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi

biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này”), thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng,... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và theo quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

5. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban:

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

- a. Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

- b. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;

- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- e. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- g. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- h. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- i. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- k. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 1. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

b. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Khoản 7 Điều 9 Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

c. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Thành viên đó vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ đông theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ của Công ty.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:
 - a. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).
 - b. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc như sau:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
 - Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;
 - Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
 - Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.
2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.
3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc:
 - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Tiền lương của Giám đốc phải được thể hiện thành

mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

c. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc.

d. Hội đồng quản trị có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

a. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 17 Quy chế này;

- Có đơn xin nghỉ việc gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- Không còn đủ tư cách đảm nhận các chức danh người điều hành doanh nghiệp;

- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Khi bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động, Giám đốc có trách nhiệm bàn giao công việc của mình cho người được thay thế theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ đông theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ của Công ty.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:

a. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

c. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:

a. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:

- Các cuộc họp có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một (01) lần.

- Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

- Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quy chế này và Điều lệ Công ty.

- Về các quyết định được thông qua, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp khi có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn từ các đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty hoặc trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành;

- Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

a. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý,

điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc:

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Các trường hợp Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Nhận được thông báo khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc từ cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp;

- Các vấn đề khác được Giám đốc hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Những vấn đề Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;

- Các vấn đề mà quyền quyết định vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của Giám đốc Công ty;

- Các vấn đề khác được Giám đốc hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

c. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

d. Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Giám đốc hoặc Ban kiểm soát.

5. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Định kỳ hằng quý, hằng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

d. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.

e. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

f. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

g. Trong trường hợp nhận được yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị, báo cáo của Giám đốc phải được lập bằng văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc:

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định và tham khảo ý kiến từ Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

7. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua.

- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

- Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần ... nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

- Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b. Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, cụ thể như sau:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần ... nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật;

- Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

b. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc:

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

c. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc:

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty;

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động:

a. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo khả năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b. Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên Ban kiểm soát định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c. Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác do

Hội đồng quản trị bổ nhiệm định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.

d. Việc đánh giá hoạt động đối với những người điều hành khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Giám đốc quyết định.

e. Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm có thể được tiến hành theo một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Khen thưởng, kỷ luật:

a. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc điều hành sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d. Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với người điều hành Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty

CHƯƠNG VII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm 07 Chương và 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tiên Hải



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

(ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG
NIÊN NĂM 2021 HỌP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2021)



Lào Cai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
- d) Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật;
- đ) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền

hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền đôn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải

công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công

ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng

tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công

chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm 7 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bui Tiến Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

(ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 HỌP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2021)



Lào Cai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống

thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh

doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thanh Tùng